

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP. HCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh;

Công ty: **Công ty cổ phần khoáng sản FECON**

Mã chứng khoán: **FCM**

Địa chỉ trụ sở chính: Cụm công nghiệp Thi Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Điện thoại: 0226 3533038

Fax : 0226 3533897

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Hữu Thiều- người được ủy quyền công bố thông tin

Chức vụ: Trưởng phòng Tổ chức hành chính

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Thi Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Điện thoại (cơ quan): 0226 3533 038

Loại thông tin công bố: định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố: Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 25/01/2019 tại đường dẫn: <http://feconmining.com.vn>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Tài liệu đính kèm:

Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

**Đại diện tổ chức
Người được ủy quyền công bố thông tin**



Nguyễn Hữu Thiều



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON

**TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2019**

Hà Nam, tháng .../2019

**DANH MỤC TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**

STT	Nội dung	Tổng số trang
1	Chương trình nghị sự	1
2	Quy chế tổ chức Đại hội	4
3	Thê lệ biểu quyết, kiểm phiếu tại Đại hội	2
4	Báo cáo kết quả HĐSXKD năm 2018, kế hoạch 2019	4
5	Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2018, kế hoạch hoạt động năm 2019	5
6	Báo cáo hoạt động của BKS năm 2018, Kế hoạch hoạt động năm 2019	4
7	Tờ trình BCTC năm 2018 đã kiểm toán	1
8	Tờ trình kế hoạch SXKD và phương án phân phối lợi nhuận năm 2019	1
9	Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2018	1
10	Tờ trình quyết toán thù lao HĐQT, BKS, thư ký HĐQT năm 2018; dự kiến mức phân phối thù lao HĐQT, BKS, thư ký HĐQT năm 2019	2
11	Tờ trình sửa đổi điều lệ công ty (có kèm theo phụ lục)	8
12	Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2019	1
13	Quy chế, thể lệ bầu cử	4
14	Tờ trình danh sách đề cử, ứng cử thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2019 - 2024	1
15	Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2018	35
16	Dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019	4



**DỰ THẢO
CHƯƠNG TRÌNH
HỌP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON**

Thời gian: 08h30 - Thứ Sáu, ngày 15 tháng 02 năm 2019

Địa điểm: Trụ sở Công ty CP khoáng sản FECON (Cụm CN Thi Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam)

STT	Thời gian	Nội dung	Thực hiện
1	08h00- 08h30	- Tiếp đón đại biểu và kiểm tra tư cách cổ đông	Ban tổ chức
2	08h30- 09h00	- Trưởng ban kiểm tra tư cách cổ đông công bố biên bản kiểm tra tư cách cổ đông, tuyên bố tính hợp pháp, hợp lệ của Đại hội - Giới thiệu đoàn chủ tịch và Ban thư ký Đại hội - Thông qua chương trình nghị sự và quy chế làm việc của Đại hội - Khai mạc Đại hội	Ban tổ chức
3	09h00- 09h30	<u>Thông qua các báo cáo:</u> - Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2018, Kế hoạch 2019 - Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2018, Kế hoạch hoạt động năm 2019 - Báo cáo hoạt động của BKS năm 2018, Kế hoạch hoạt động năm 2019	Đoàn chủ tọa
4	09h30- 09h50	<u>Thông qua các Tờ trình:</u> - Tờ trình Báo cáo Tài chính năm 2018 đã kiểm toán. - Tờ trình kế hoạch sản xuất kinh doanh và phương án phân phối lợi nhuận năm 2019. - Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2018. - Tờ trình quyết toán thù lao HĐQT, BKS, thư ký HĐQT năm 2018; dự kiến mức phân phối thù lao HĐQT, BKS, thư ký HĐQT năm 2019. - Tờ trình sửa đổi Điều lệ công ty. - Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019	Đoàn chủ tọa
5	09h50- 10h10	- Thảo luận và trả lời chất vấn	
6	10h10-10h20	<u>Bầu cử thành viên HĐQT và BKS:</u> - Thông qua Quy chế, thể lệ bầu cử - Thông qua danh sách đề cử, ứng cử Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2019-2024	Đoàn chủ tọa
7	10h20-10h40	- Tiến hành biểu quyết thông qua các Báo cáo, Tờ trình tại Đại hội và bầu cử thành viên HĐQT và BKS	Ban kiểm phiếu
8	10h40-10h55	- Đại hội nghỉ giải lao và kiểm phiếu	Ban kiểm phiếu
9	10h55- 11h15	- Công bố kết quả biểu quyết các Báo cáo, Tờ trình tại Đại hội - Công bố kết quả bầu cử thành viên HĐQT và BKS - Thành viên HĐQT và BKS mới ra mắt Đại hội	Ban kiểm phiếu
10	11h15- 11h30	- Thông qua biên bản cuộc họp và Nghị quyết của ĐHĐCĐ - Bế mạc Đại hội	- Ban Thư ký - Đoàn chủ tọa

Hà Nam, ngày tháng 02 năm 2019

**QUY CHẾ TỔ CHỨC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON NĂM 2019**

**CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi áp dụng

- 1.1 Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 (“**ĐHĐCĐ**”) của công ty cổ phần Khoáng Sản FECON (“**Công ty**”)
- 1.2 Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của cổ đông, người tham dự họp **ĐHĐCĐ**, điều kiện, thể thức tiến hành họp **ĐHĐCĐ**.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cổ đông và người tham dự họp **ĐHĐCĐ** có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại quy chế này.

**CHƯƠNG II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG,
NGƯỜI THAM DỰ HỌP TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

3.1 Điều kiện tham dự **ĐHĐCĐ:**

Là các cổ đông hoặc là người đại diện được ủy quyền của cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày 11/01/2019 tham dự họp **ĐHĐCĐ**.

3.2 Quyền của các cổ đông khi tham dự **ĐHĐCĐ:**

- (a) Tất cả các cổ đông của công ty đều có quyền tham dự, thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của **ĐHĐCĐ** theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- (b) Trường hợp không thể tham dự **ĐHĐCĐ**, cổ đông có thể ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình. Việc ủy quyền này phải được lập thành văn bản theo mẫu đính kèm theo Thư mời họp **ĐHĐCĐ** của Công ty.
- (c) Tại cuộc họp **ĐHĐCĐ**, mỗi cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông được nhận Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết sau khi đăng ký tham dự **ĐHĐCĐ** với Ban kiểm tra tư cách cổ đông. Giá trị biểu quyết của Thẻ biểu quyết tương ứng với tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà người đó sở hữu hoặc đại diện theo đăng ký tham dự họp **ĐHĐCĐ** trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông/ đại diện được ủy quyền của cổ đông có mặt tại cuộc họp **ĐHĐCĐ**.
- (d) Cổ đông, đại diện được ủy quyền đến dự họp **ĐHĐCĐ** muộn có quyền đăng ký, và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại cuộc họp **ĐHĐCĐ**, nhưng chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp **ĐHĐCĐ** và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước đó sẽ không bị ảnh hưởng.

3.3 Nghĩa vụ của các cổ đông khi tham dự **ĐHĐCĐ:**

- (a) Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông khi tham dự họp ĐHĐCĐ phải mang theo chứng minh nhân dân/ Hộ chiếu, Thông báo mời họp, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền) và đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ với Ban kiểm tra tư cách cổ đông.
- (b) Tuân thủ các quy định tại Quy chế này.
- (c) Nghiêm túc chấp hành nội quy tại cuộc họp ĐHĐCĐ, tôn trọng kết quả làm việc tại cuộc họp ĐHĐCĐ.
- (d) Trang phục của cổ đông đến tham dự ĐHĐCĐ đảm bảo tính lịch sự, trang trọng.
- (e) Ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự, lộn xộn, không hút thuốc lá trong phòng ĐHĐCĐ, không sử dụng điện thoại di động trong khi ĐHĐCĐ diễn ra. Điện thoại di động phải tắt hoặc không để chuông.
- (f) Cổ đông khi vào phòng ĐHĐCĐ phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban Tổ chức ĐHĐCĐ quy định, tuân thủ việc điều hành của Chủ tọa và Ban Tổ chức ĐHĐCĐ.
- (g) Cổ đông ra về khi buổi họp ĐHĐCĐ chưa kết thúc phải nộp lại thẻ biểu quyết, nộp lại phiếu biểu quyết đã đánh dấu các nội dung biểu quyết và bầu cử theo quy định.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa, Ban chủ tọa

4.1 Ban chủ tọa gồm 03 (ba) thành viên do Chủ tọa giới thiệu và được ĐHĐCĐ thông qua, và Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tọa cuộc họp.

4.2 Ban chủ tọa có chức năng và có nhiệm vụ sau đây:

- (a) Có chức năng điều khiển cuộc họp ĐHĐCĐ.
- (b) Tiến hành các công việc được cho là cần thiết để điều khiển cuộc họp ĐHĐCĐ diễn ra một cách hợp lệ và có trật tự, và/ hoặc cuộc họp ĐHĐCĐ phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.
- (c) Hướng dẫn các đại biểu và ĐHĐCĐ thảo luận.
- (d) Trình dự thảo, lấy ý kiến biểu quyết và kết luận các vấn đề nằm trong Chương trình họp và các vấn đề có liên quan trong suốt cuộc họp ĐHĐCĐ.
- (e) Trả lời các câu hỏi của cổ đông liên quan đến các vấn đề thảo luận tại cuộc họp ĐHĐCĐ.
- (f) Giải quyết bất kỳ và tất cả các vấn đề phát sinh (nếu có) trong suốt cuộc họp ĐHĐCĐ.
- (g) Không cần lấy ý kiến của ĐHĐCĐ, bất cứ lúc nào Ban Chủ tọa cũng có thể trì hoãn cuộc họp ĐHĐCĐ đến một thời điểm khác (phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2014, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty) và tại một địa điểm khác do Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:
 - (i) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả cổ đông dự họp;
 - (ii) Người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
- (h) Quyết định của Ban Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài Chương trình họp sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Thư ký Đại hội

Chủ tọa chỉ định Thư ký Đại hội để thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Ban chủ tọa, bao gồm:

- (a) Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung của ĐHĐCĐ (bao gồm cả những vấn đề đã được ĐHĐCĐ thông qua hoặc bảo lưu).
- (b) Hỗ trợ Ban Chủ tọa công bố dự thảo Biên bản và Nghị quyết của ĐHĐCĐ và thông báo của Đoàn Chủ tọa gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.

(c) Tiếp nhận phiếu câu hỏi của cổ đông.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông gồm 03 (ba) thành viên do Chủ tọa giới thiệu và được ĐHĐCĐ thông qua, có chức năng và nhiệm vụ sau đây:

- (a) Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự họp ĐHĐCĐ: Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu, Thông báo mời họp, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền).
- (b) Phát cho cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự họp ĐHĐCĐ: Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và các tài liệu họp khác.
- (c) Báo cáo trước ĐHĐCĐ về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp ĐHĐCĐ.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm phiếu

7.1 Ban Kiểm phiếu gồm 03 (ba) thành viên do Ban Chủ tọa giới thiệu và được ĐHĐCĐ thông qua.

7.2 Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm:

- (a) Đọc Quy chế, thể lệ bầu cử và hướng dẫn bầu cử.
- (b) Đọc Thẻ lệ biểu quyết, kiểm phiếu.
- (c) Giới thiệu phiếu và phát phiếu.
- (d) Tiến hành thu Phiếu sau khi ĐHĐCĐ biểu quyết.
- (e) Tiến hành kiểm phiếu.
- (f) Báo cáo trước ĐHĐCĐ về kết quả kiểm phiếu.

CHƯƠNG III

TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 8. Điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ

Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông tham dự đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền tham dự họp ĐHĐCĐ.

Điều 9. Cách thức tiến hành ĐHĐCĐ

9.1 Cuộc họp ĐHĐCĐ dự kiến sẽ diễn ra trong một ngày.

9.2 ĐHĐCĐ sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung nêu tại Chương trình họp.

Điều 10. Thảo luận nội dung phiên họp và giải đáp thắc mắc.

Sau khi các báo cáo được trình bày xong, Chủ tọa ĐHĐCĐ tiếp tục chủ trì phiên thảo luận, tiếp nhận ý kiến của các cổ đông và giải đáp thắc mắc theo nguyên tắc và cách thức sau:

10.1 Cổ đông tham dự ĐHĐCĐ đăng ký nội dung phát biểu với Ban Chủ tọa qua thư ký theo mẫu Phiếu đóng góp ý kiến của công ty. Sau khi được chủ tọa cho phép phát biểu, cổ đông phát biểu ngắn gọn, tránh trùng lặp. Chủ tọa có quyền ngừng việc phát biểu của cổ đông nếu xét thấy những vấn đề kiến nghị và thảo luận trùng lặp, không liên quan đến nội dung Chương trình họp.

10.2 Chủ tọa chỉ trả lời trực tiếp các câu hỏi trọng tâm và liên quan đến các nội dung trong Chương trình họp. Chủ tọa không giải thích các nội dung có tính chất chuyên môn, Phục vụ yêu cầu riêng biệt của cá nhân cổ đông.

10.3 Các câu hỏi không liên quan trực tiếp đến nội dung ĐHĐCĐ nhưng thuộc phạm vi quyền và lợi ích của cổ đông sẽ được Thư ký tập họp và Ban Chủ tọa sẽ trả lời bằng hình thức khác phù hợp với quy định của Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

10.4 Các câu hỏi không kịp trả lời trong ĐHĐCĐ do thời gian có hạn cũng sẽ được Ban Chủ tọa trả lời bằng hình thức khác trực tiếp đến cổ đông.

Điều 11. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Các quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua theo quy định tại Điều lệ Công ty và thể lệ biểu quyết, kèm phiếu được ĐHĐCĐ thông qua.

Điều 12. Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Nội dung cuộc họp ĐHĐCĐ được lập thành Biên bản. Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ được đọc và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp ĐHĐCĐ.

**CHƯƠNG IV
CÁC QUY ĐỊNH KHÁC**

Điều 13. Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông không thành

13.1 Trường hợp cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 8 của quy chế này thì việc triệu tập họp ĐHĐCĐ lần thứ hai phải được thực hiện trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày cuộc họp ĐHĐCĐ thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ hai được tiến hành khi có số thành viên tham dự là cổ đông và người đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

13.2 Trường hợp cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 13.1 Điều này thì việc triệu tập họp ĐHĐCĐ lần thứ ba có thể được thực hiện trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ hai dự định khai mạc. Trong trường hợp này, cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp.

**CHƯƠNG V
HIỆU LỰC THI HÀNH**

Điều 14. Hiệu lực thi hành

Quy chế này gồm 05 Chương và 14 Điều, có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ thông qua.



Hà Thế Phương

Hà Nam, ngày tháng năm 2019

**THẺ LỆ BIỂU QUYẾT, KIỂM PHIẾU
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON**

Việc biểu quyết, kiểm phiếu tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 của Công ty cổ phần khoáng sản FECON (“Đại hội”) được tiến hành theo những quy định sau đây:

1. Nguyên tắc biểu quyết:

- (a) Mọi quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 phải biểu quyết công khai và trực tiếp dưới sự điều hành của Ban Chủ tọa.
- (b) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức biểu quyết khi đạt tỷ lệ tối thiểu theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
- (c) Mỗi cổ đông có số biểu quyết được tính bằng tổng số cổ phần mà người đó sở hữu và đại diện sở hữu.

2. Thẻ lệ biểu quyết:

- (a) Khi đăng ký tham dự Đại hội, Ban kiểm tra tư cách cổ đông sẽ cấp cho mỗi cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết THẺ BIỂU QUYẾT và PHIẾU BIỂU QUYẾT.
- (b) Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, thông qua các nội dung của Đại hội là thẻ, phiếu in sẵn, theo mẫu của Công ty, có mã vạch và đóng dấu treo của Công ty. Trên mỗi phiếu có các thông tin sau: họ và tên cổ đông hoặc người được ủy quyền, mã số cổ đông, số cổ phần sở hữu, số cổ phần được ủy quyền, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- (c) Hình thức biểu quyết:

- Biểu quyết bằng giơ THẺ BIỂU QUYẾT khi Chủ tọa đề nghị biểu quyết các vấn đề sau đây:

- (i) Thông qua lựa chọn Ban Chủ tọa, Thư ký, Ban Kiểm phiếu;
- (ii) Thông qua chương trình họp, Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông, Thẻ lệ biểu quyết, kiểm phiếu;
- (iii) Thông qua biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và nội dung khác tại Đại hội đồng cổ đông;

- Cổ đông sẽ biểu quyết bằng cách giơ THẺ BIỂU QUYẾT theo sự điều khiển của Chủ tọa để lấy ý kiến biểu quyết: Tán thành hoặc không tán thành hoặc Không có ý kiến.

- Biểu quyết bằng PHIẾU BIỂU QUYẾT dùng để biểu quyết thông qua các nội dung của chương trình họp, gồm các báo cáo, tờ trình và các quyết định khác được thông qua tại Đại hội.

Trong một PHIẾU BIỂU QUYẾT, các nội dung lấy ý kiến về từng nội dung được biểu quyết độc lập với nhau. Sự không hợp lệ của phần quyết nội dung này sẽ không ảnh hưởng đến tính hợp lệ của các phần biểu quyết nội dung khác.

Trường hợp PHIẾU BIỂU QUYẾT không còn nguyên vẹn hoặc bị gạch xóa hoặc đánh dấu nhầm, cổ đông có thể liên hệ với Ban tổ chức Đại hội để được cấp lại PHIẾU BIỂU QUYẾT mới và phải nộp lại PHIẾU BIỂU QUYẾT cũ.

Cách ghi PHIẾU BIỂU QUYẾT:

- (i) Cổ đông **đánh dấu “X”** vào một trong các ô: **Đồng ý**, hoặc **Không đồng ý**, hoặc **Không có ý kiến** tương ứng với từng vấn đề được nêu trong PHIẾU BIỂU QUYẾT.
- (ii) Trong trường hợp có các vấn đề biểu quyết phát sinh ngoài các nội dung trong PHIẾU BIỂU QUYẾT, với điều kiện các vấn đề này được Đại hội thông qua để đưa vào các nội dung trong PHIẾU BIỂU QUYẾT, các cổ đông sẽ ghi các nội dung mới này vào dòng bỏ trống của PHIẾU BIỂU QUYẾT theo hướng dẫn

của Ban chủ tọa. Tương tự, cổ đông **đánh dấu "X"** vào một trong các ô: **Đồng ý**, hoặc **Không đồng ý**, hoặc **Không có ý kiến** tương ứng với từng nội dung được bổ sung.

(d) Quy định khác đối với **THẺ BIỂU QUYẾT, PHIẾU BIỂU QUYẾT**:

THẺ BIỂU QUYẾT: được in trên giấy **màu hồng**.

PHIẾU BIỂU QUYẾT: được in trên giấy **màu trắng**.

3. Phiếu biểu quyết không hợp lệ:

Các Phiếu được coi là không hợp lệ trong các trường hợp sau:

- Phiếu không theo mẫu quy định, không do Công ty phát hành, không có mã vạch do Công ty quy định, không có dấu treo của Công ty;
- Phiếu bị rách rời, không còn nguyên vẹn;
- Phiếu ghi thêm những thông tin khác không theo hướng dẫn của Ban chủ tọa, thêm ký hiệu;
- Phiếu không được điền vào ô nào hoặc được điền vào nhiều hơn một phương án trả lời mà không có chữ ký của cổ đông vào phương án trả lời cuối cùng;
- Không có chữ ký của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông.

4. Nguyên tắc thu Phiếu và tổ chức kiểm phiếu:

- (a) Ban Kiểm phiếu phải tiến hành thu Phiếu biểu quyết sau khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết và sau đó tiến hành kiểm phiếu.
- (b) Trước khi mở thùng phiếu, Ban Kiểm phiếu phải thống kê và niêm phong số phiếu không dùng đến.
- (c) Ban kiểm phiếu không được gạch xóa hoặc sửa chữa trên các phiếu thu được.
- (d) Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm về tính chính xác và minh bạch của công tác kiểm phiếu và kết quả kiểm phiếu.

5. Công bố kết quả kiểm phiếu và khiếu nại về kết quả kiểm phiếu:

- (a) Trưởng Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội trước khi bế mạc cuộc họp
- (b) Mọi khiếu nại về kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa xem xét và giải quyết ngay tại Đại hội.

Hiệu lực: Thẻ lệ biểu quyết, kiểm phiếu này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội thông qua.



Hà Thế Phương

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014.
- Điều lệ Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON.
- Báo cáo tài chính hợp nhất trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019
Công ty cổ phần khoáng sản FECON**

I. Đặc điểm tình hình

1. Thuận lợi: Các dự án lớn đã kí từ cuối năm ngoái khối lượng còn tiếp tục sang đến nửa đầu năm nay, thị trường cọc đầu năm sôi động, nhiều dự án mới triển khai các dự án mới kí như: Aone Hà Đông, Thép Hòa Phát, Vinfat Hải Phòng, Nhiệt điện NS2, Meiko Hà Đông...Ngoài ra các dự án nhà xưởng, nhà biệt thự, tại các khu công nghiệp; khu đô thị; nhà chung cư.. Cung cấp ra thị trường gần 2 triệu m dài cọc. Phục vụ cho gần 150 dự án trong cả nước.

2. Khó khăn:

- Thị trường vật liệu biến động phức tạp. giá sắt biến động nhanh đặc biệt là thép chủ nhập khẩu. Giá xăng dầu và xing măng cũng biến động tăng.
- Đối thủ cạnh tranh tăng nhiều, hiệu quả của các dự án không cao do giá thấp.
- Máy móc thiết bị tại FCM có dấu hiệu xuống cấp hay hỏng hóc.
- Nguồn việc cuối năm rất hạn chế.

II. Kết quả SX KD năm 2018

1. Kết quả đạt được

** Các chỉ tiêu về tài chính*

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2017	Năm 2018		Tỉ lệ %	
				KH	TH	So với 2017	So với KH 2018
1	Doanh thu hợp nhất	Tỷ	779	763	884	113	116
2	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	Tỷ	30,2	27	36,7	121	136
3	Chia cổ tức	%	5	5	5	100	100

** Một số kết quả đáng nhớ của năm 2018*

- 1.1. Hoàn thành đạt và vượt kế hoạch SXKD được ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 thông qua vào ngày 28/4/2018.

- 1.2. Ngày 26/9/2018 Công ty cổ phần đầu tư Phan Vũ chính thức sở hữu 51% cổ phần và trở thành công ty mẹ của công ty.
- 1.3. Lần đầu tiên SX và cung cấp ra thị trường với sản lượng cọc là 2 triệu m dài. Phục vụ cho gần 150 dự án.
- 1.4. Tạo việc làm ổn định cho người lao động trong cả năm. Trình độ chuyên môn được nâng cao, người lao động yên tâm gắn bó công tác.
- 1.5. Chất lượng sản phẩm khá ổn định được khách hàng đánh giá cao. cọc bị sự cố ở công trường mà lỗi do chất lượng bê tông không có.
- 1.6. Công tác tự bán hàng được cải thiện tốt. Doanh thu tự bán chiếm 45% DT tại FCM. Với mạng lưới đối tác khách hàng truyền thống trên 10 đối tác.
- 1.7. CBCNV tích cực tham gia vào phong trào SK cải tiến. Toàn công ty đã đưa được 87 SK vào áp dụng thành công, như vậy là từ năm 2009 đến nay đã có khoảng gần 700 sáng kiến được ứng dụng thành công đem lại hiệu quả thiết thực về mọi mặt: Năng suất, chất lượng, an toàn, điều kiện làm việc, môi trường...
- 1.8. Hệ thống nhà CC trung thành tối thiểu mỗi loại có từ 2-3 nhà và mua được với giá tốt nhất. đặc biệt các nguyên vật liệu chính.
- 1.9. Hệ thống đối tác tái chính tin tưởng cho vay bằng tín chấp.
- 1.10. Hệ thống quy chế, quy trình được ban hành đầy đủ, vận hành theo hệ thống quản lí chất lượng ISO 9001:2015

2. Những việc còn tồn tại

- 2.1. Về sản xuất tự giác, người lao động trực tiếp làm ra sản phẩm vẫn chưa thực sự tự giác, vẫn phải có người đôn đốc nhắc nhở mới chú ý tới an toàn và chất lượng. sử dụng nguyên, nhiên vật liệu chưa thực sự tiết kiệm, hiệu quả...
- 2.2. Công tác cung ứng vẫn còn chậm ảnh hưởng phần nào tới Sản xuất và Sửa chữa.
- 2.3. Công tác đào tạo cho toàn hệ thống FCM còn hạn chế chưa phát huy được hết nguồn lực hiện có.

3. Báo cáo thực hiện Nghị Quyết ĐHĐCĐ và HĐQT năm 2018

- 3.1. Ban điều hành luôn bám sát nghị quyết được ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 thông qua và các nghị quyết của HĐQT hàng quý, để triển khai thực hiện nghiêm túc và đạt được các kết quả như đã nêu trên.
- 3.2. Đầu tư thêm xe nâng hàng, xe vận chuyển... đem lại hiệu quả thiết thực giúp tăng thêm năng suất và chất lượng phục vụ các dự án lớn của công ty.

4. Những thách thức

Bên cạnh những việc đã đạt được công ty không thể không kể đến những thách thức lớn phải đối mặt như

- 4.1. Đối thủ cạnh tranh trong lĩnh vực cọc li tâm ngày càng nhiều và không chỉ đến từ trong nước mà còn tới từ nước ngoài.
- 4.2. Giá nguyên, nhiên vật liệu có những biến động khó đoán định
- 4.3. Nguồn nhân sự tại khu vực ngày một khan hiếm.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

1. Cơ sở lập kế hoạch

- Mặc dù có nhiều thách thức nhưng cơ hội cho ngành vẫn còn rất lớn. Căn cứ cụ thể vào tình hình thị trường cuối năm 2018 đầu năm 2019. Các dự án lớn trọng điểm gần như không có. Các dự án công nghiệp nặng như: Nhiệt điện NĐ; Bắc Giang; nước thải Yên Xá... có thể diễn ra vào cuối năm. Các dự án xây dựng dân dụng như trung cư, khu đô thị ít chỉ có chuỗi các dự án của Vincom; Các dự án cảng thì đặc thù; các dự án XD công nghiệp thì diễn ra cục bộ, thời điểm, không dự báo được...; Do vấn đề môi trường nên hiện nay đang bùng nổ các dự án điện mặt trời từ nam miền trung trở vào.

- Phát huy những việc làm được và khắc phục những việc chưa làm được. Ban điều hành xin Kính trình Đại hội đồng cổ đông kế hoạch sản xuất kinh doanh như sau:

2. Các chỉ tiêu chính

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019
1	Vốn điều lệ	Tỷ	410	410
2	Doanh thu HN	Tỷ	884	750
3	Lợi nhuận sau thuế HN	Tỷ	36,7	35
4	Cổ tức (% vốn điều lệ)	%	5	5

3. Đầu tư mở rộng.

3.1. Đầu tư nghiên cứu và SX các loại sản phẩm bê tông đúc sẵn phục vụ cho các dự án chống biến đổi khí hậu, kè sông, biển: 10 tỉ

3.2. Đề xuất đầu tư thêm thiết bị phục vụ SX: 15 tỉ



Phạm Trung Thành

FECON
Mining

Thấu hiểu lòng đất, chinh phục tầm cao

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Thi Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Điện thoại: (84-351) 3533 038 **Fax:** (84-351) 3533 897

Website: www.feconmining.com.vn

BÁO CÁO
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2018
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

Hà Nam, tháng 01 năm 2019

Hà Nam, ngày 25 tháng 01 năm 2019

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
V/v Kết quả hoạt động của công ty năm 2018, Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh
doanh năm 2019

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM TÀI CHÍNH

1. Các chỉ tiêu kinh doanh, tài chính

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	Tỷ lệ hoàn thành (%)
Vốn điều lệ (tỷ)	410	410	-
Doanh thu hợp nhất (tỷ)	763	884	116
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất (tỷ)	27	36,7	136
Lãi cơ bản trên cổ phiếu		879	
Chia cổ tức (%)	5	5	

- Doanh thu đạt: 884 tỷ đồng, đạt 116% kế hoạch và đạt 113,5% so với năm 2017.

Doanh thu tăng là do có thêm các công trình ở miền Trung. Đặc biệt là dự án xây dựng nhà máy thép Hoà Phát, Dung Quất → Doanh thu và sản lượng tăng cao.

- Lợi nhuận sau thuế đạt 36,7 tỷ đồng, đạt 136 % so với kế hoạch và đạt 121% so với năm 2017.

- Cơ cấu tài sản:

Chỉ tiêu tại	Đơn vị tính	Tại ngày 31.12.2018	Tăng/Giảm so với năm trước (%)
Tổng tài sản	Đồng	934.969.325.081	-10%
Tài sản ngắn hạn	Đồng	713.679.695.611	+ 3,8 %
Tài sản dài hạn	Đồng	221.289.629.470	- 36,8%
Hàng tồn kho	Đồng	277.302.441.227	-10,3%
Tiền và các khoản tương đương tiền	Đồng	30.000.382.958	+ 28,9%

- Cơ cấu nợ phải trả:

Chỉ tiêu tại	Đơn vị tính	Tại ngày 31.12.2018	Tăng/Giảm so với năm trước (%)
Nợ phải trả	Đồng	386.950.415.069	-17,5 %
Nợ xấu phát sinh	Đồng	8.026.721.329	1.708%
Chỉ số thanh toán hiện hành	Lần	1,87	Năm 2017: 1,51 lần

2. Phát triển khách hàng

Công tác phát triển khách hàng đã được coi trọng, Doanh thu tự bán cọc đạt 282,6 tỷ, tăng 47,6% so với năm trước (số liệu năm 2017: 191.5 tỷ).

3. Tăng cường công tác quản lý tài chính và quản trị rủi ro

- Công tác thu hồi công nợ.
- Cơ cấu danh mục đầu tư: Thực hiện thoái vốn khỏi Công ty cổ phần khoáng sản Hải Đăng. Nguyên giá nộp vào 32 tỷ, thoái vốn 32 tỷ.

4. Cơ cấu bộ máy tổ chức

- Từ ngày 26/9/2018 Công ty CP ĐT Phan Vũ đã chính thức nắm giữ 51% cổ phiếu FCM. Từ đây FCM trở thành công ty con của Phan Vũ → Hệ thống báo cáo và các chính sách thay đổi về cơ bản theo Phan Vũ.
- Bộ máy quản trị giữ nguyên.
- Hội đồng quản trị giữ nguyên cho đến Đại hội cổ đông.

5. Công bố thông tin và bảo đảm tính minh bạch

Việc công bố thông tin được thực hiện thường xuyên, đảm bảo tính kịp thời, minh bạch trong suốt cả năm 2018.

II. HOẠT ĐỘNG, THÙ LAO, CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Năm 2018 HĐQT đã tổ chức 4 cuộc họp định kỳ để nghe báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, rà soát Ban giám đốc thực hiện nghị quyết HĐQT quý trước, các vấn đề cần giải quyết, tháo gỡ và biện pháp thực hiện.

Cụ thể nội dung các cuộc họp như sau:

Thời gian	Nội dung và kết quả
Quý I/2018	- Tổ chức ĐH cổ đông thường niên
Quý II/2018	- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh bán niên 2018 - Thông qua thoái vốn Hải Đăng - Kế hoạch tổ chức đại hội cổ đông bất thường thông qua việc lựa chọn Công ty CP đầu tư Phan Vũ trở thành cổ đông chiến lược.
Quý III/2018	- Thông qua kết quả kinh doanh quý III/2018 - Điều chỉnh kế hoạch Doanh thu và lợi nhuận năm 2018. DT 760/700; LN 27/34 - Kế hoạch tổ chức đại hội cổ đông thường niên 2019
Quý IV/2018	- Duyệt các báo cáo, thông qua nhân sự HĐQT giới thiệu để bầu thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ mới - Thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018 - Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019

2. Thù lao, chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị

Thù lao Hội đồng quản trị được chi trả vào tài khoản cá nhân của từng thành viên Hội đồng quản trị hàng tháng theo đúng mức chi trả đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018. Cụ thể như sau:

Họ và tên	Chức danh	Tiền thù lao/tháng (triệu)	Tổng số (triệu)	Ghi chú
Hà Thế Phương	Chủ tịch	25	300	
Hà Thế Lộng	Phó Chủ tịch	10	120	
Nguyễn Chí Công	Thành viên HĐQT	8	96	
Phạm Trung Thành	Thành viên HĐQT	8	96	
Ngô Mạnh Quân	Thành viên HĐQT	8	96	
Nguyễn Thanh Vân	Trưởng Ban KS	8	88	Từ nhiệm từ 01/12/2018
Nguyễn Thị Nghiênn	Trưởng Ban KS	8	8	Bổ nhiệm từ 01/12/2018
Nguyễn Thị Nghiênn	Thành viên BKS	5	55	
Nguyễn Mạnh Quân	Thành viên BKS	5	60	
Nguyễn Hữu Thiênn	Thư ký HĐQT	5	60	
Tổng cộng		82	979	

3. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị

TT	Số NQ	Ngày	Nội dung các Nghị quyết
1	0206/2018/NQ-HĐQTFCM	06/02/2018	Thông qua báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2017, Kế hoạch 2018 và việc tổ chức Đại hội cổ đông 2018
2	0213/2018/NQ-HĐQTFCM	13/02/2018	Vv họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2018

3	0309/2018/NQ-HĐQTFCM	09/03/2018	Thay đổi thời gian tổ chức ĐHCĐ 2018
4	0313/2018/NQ-HĐQTFCM	13/03/2018	Thoái vốn khỏi Công ty CPKS Hải Đăng
			Dự thảo nội dung Báo cáo, tờ trình tại ĐHCĐ thường niên năm 2018
			Thông qua chủ trương mua mới thay thế 05 xe sơ mi rơ mooc cũ của công ty CPKS FECON
5	0412/2018/NQ-HĐQTFCM	12/04/2018	Thông qua các báo cáo, tờ trình tại ĐHCĐ thường niên 2018
6	0503/2018/NQ-HĐQTFCM	05/03/2018	Vv chi trả cổ tức 2017 bằng tiền mặt
7	0717/2018/NQ-HĐQTFCM	17/07/2018	Vv tổ chức Đại hội cổ đông bất thường
8	0820/2018/NQ-HĐQTFCM	20/08/2018	Thông qua nội dung tờ trình đề trình tại ĐHCĐ bất thường
9	1016/2018/NQ-HĐQTFCM	16/10/2018	Thông qua kết quả SXKD 9 tháng đầu năm và kế hoạch 3 tháng cuối năm
10	1113/2018/NQ-HĐQTFCM	13/11/2018	Vv tổ chức đại hội cổ đông thường niên 2018
11	011501/2019/NQ-HĐQTFCM	15/01/2019	- Thông qua báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018, kế hoạch hoạt động SXKD 2019
			- Thông qua các Báo cáo và Tờ trình tại ĐHCĐ thường niên 2019
12	011502/2019/NQ-HĐQTFCM	15/01/2019	Miễn nhiệm chức danh KTT đối với ông Đào Trung Dũng
13	011503/2019/NQ-HĐQTFCM	15/01/2019	Bổ nhiệm chức danh KTT đối với bà Nguyễn Thị Thanh Vân

4. Kết quả giám sát đối với giám đốc và các cán bộ quản lý khác

- Hội đồng quản trị luôn theo sát và tạo điều kiện thuận lợi nhất để Ban giám đốc hoàn thành nhiệm vụ của mình theo điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Hội đồng quản trị.

- Chủ tịch thay mặt HĐQT tham gia các cuộc họp giao ban, họp chuyên đề, họp lãnh đạo để nắm được tình hình thực tế, các vấn đề cần giải quyết và có chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban giám đốc thông qua các Nghị quyết, Quyết định, các văn bản và các chỉ đạo khác theo thẩm quyền được qui định trong điều lệ công ty và các qui chế quản trị đã ban hành.
- Ban điều hành luôn tuân thủ và thực hiện nghiêm túc các qui định của pháp luật, Điều lệ công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị. Từng thành viên Ban điều hành luôn trách nhiệm, tận tụy với công việc, báo cáo và bàn bạc kịp thời để cùng nhau hoàn thành tốt được nhiệm vụ đã đặt ra.
- Kết luận Ban điều hành đã hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2018.

III. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG

Căn cứ đánh giá thị trường trong năm 2019, dự báo năm 2020 và 2021, Hội đồng quản trị đưa ra mục tiêu tài chính năm 2019 và các năm sau như sau:

Năm	Dthu	LNST	ROE	ROA	ROS	Cổ tức
2019	750	35	8,5%	4%	4.5%	5%
2020	780	38	9,2%	4%	4.8%	6%
2021	800	40	9,7%	4%	5%	7%

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên 2019;
- Lưu: VP

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Hà Thế Phương



BÁO CÁO
TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2018
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

Hà Nam, ngày tháng 01 năm 2019

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014.
- Điều lệ Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON liên quan đến chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát.
- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc trong năm tài chính 2018.
- Báo cáo tài chính hợp nhất trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát trong năm tài chính 2018, thực thi trách nhiệm và quyền hạn theo Điều lệ công ty, Ban kiểm soát Công ty cổ phần khoáng sản FECON xin báo cáo kết quả hoạt động của Ban trong năm 2018 như sau:

I. TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2018

1. Cơ cấu tổ chức Ban kiểm soát

Ban kiểm soát công ty gồm 3 thành viên:

- Bà Nguyễn Thị Thanh Vân: Trưởng ban (từ nhiệm kể từ ngày 01/12/2018)
- Bà Nguyễn Thị Nghiênn: Thành viên (Trưởng ban từ ngày 01/12/2018)
- Ông Nguyễn Mạnh Quân: Thành viên

Tháng 12, BKS có sự thay đổi giám một nhân sự, hiện Bà Nguyễn Thị Nghiênn làm trưởng ban (theo Biên bản họp Ban kiểm soát ngày 28/11/2018)

2. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018

Năm 2018, thực hiện quyền hạn, trách nhiệm của Ban kiểm soát theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty, Ban kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp định kỳ như sau:

STT	Ngày họp	Nội dung cuộc họp
1	18/4/2018	Họp thường kỳ quý I đánh giá, giám sát kết quả hoạt động Công ty
2	10/7/2018	Họp thường kỳ quý II đánh giá, giám sát kết quả hoạt động Công ty
3	20/10/2018	Họp thường kỳ quý III đánh giá, giám sát kết quả hoạt động Công ty
4	28/12/2018	Họp thường kỳ quý IV đánh giá kết quả hoạt động năm 2018; Thay đổi nhân sự ban kiểm soát, đồng ý đơn từ nhiệm của bà Nguyễn Thị Thanh Vân, bầu bà Nguyễn Thị Nghiênn làm trưởng ban thay thế.

Ngoài ra tại các tại cuộc họp Ban kiểm soát còn: Đánh giá, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ trong năm 2018; giám sát việc tuân thủ Điều lệ, các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

Đại diện Ban kiểm soát tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị, tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban Giám đốc về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty;

Soát xét Báo cáo kết quả SXKD, báo cáo tài chính, phân tích đánh giá tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động, khả năng bảo toàn và phát triển vốn của Công ty;

Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc.

Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty.

3. Đánh giá công tác quản lý điều hành của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc

1.1. Kết quả giám sát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị đã thực hiện các cuộc họp định kỳ và đột xuất đề thông qua các Nghị quyết, quyết định, giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền theo quy định của Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018.

Ban Kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm 2018 phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Công ty, đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động SXKD thực tế của công ty. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định.

HĐQT đã chỉ đạo và giám sát Ban Giám đốc thực hiện các Nghị quyết của HĐQT/ĐHĐCĐ. Trong năm 2018, Ban Kiểm soát không nhận được bất kỳ kiến nghị nào của cổ đông về sai phạm của HĐQT Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Các quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2018 đều bám sát mục tiêu định hướng phát triển chiến lược của hệ thống FECON.

1.2. Kết quả giám sát hoạt động của Ban giám đốc

Trong năm 2018, Ban Giám đốc Công ty đã rất nỗ lực trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo chức năng nhiệm vụ quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, tuân thủ nghị quyết HĐQT/Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018. Các chỉ tiêu kinh doanh đạt và vượt mức kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua, hoàn thành thực hiện chi trả cổ tức năm 2017 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ.

Ban giám đốc đã có nhiều biện pháp để triển khai định hướng phát triển sản xuất của HĐQT; khắc phục khó khăn, duy trì và phát triển sản xuất tăng trưởng trong bối cảnh nền kinh tế gặp rất nhiều khó khăn ngày càng xuất hiện nhiều dây chuyền sản xuất cọc với công suất lớn, điều này làm tăng sự cạnh tranh với các đối thủ trong ngành sản xuất cọc vốn đã rất căng thẳng

Ban giám đốc đã có những hành động thiết thực trong việc tập trung nguồn lực bán hàng, giảm chi phí sản xuất thông qua các biện pháp như: Cải tổ bộ máy quản lý, không ngừng cải tiến quy trình sản xuất, nghiên cứu tiết kiệm chi phí đầu vào, tìm kiếm nguyên vật liệu thay thế nhằm giảm giá thành, nâng cao năng suất lao động để tăng khả năng cạnh tranh.

Sự kiện đặc biệt làm thay đổi cổ đông lớn là tháng 10/2018, công ty đã được chuyển đổi cổ đông sở hữu là công ty cổ phần đầu tư Phan Vũ chính thức sở hữu 51% vốn và là công ty mẹ thay, từ đây Ban lãnh đạo và CBCNV được tiếp cận và vận hành theo cơ chế quản lý/báo cáo mới theo công ty mẹ, kỳ vọng năm 2019 sẽ tiến bộ và chuyển mình tích cực hơn nữa về cả doanh thu cũng như năng lực sản xuất.

Trong năm công ty đã thanh lý khoản đầu tư công ty Hải Đăng, điều này giúp sự vận hành của công nhẹ hơn do giảm được gánh nặng hiệu quả kinh doanh lỗ từ đơn vị này đồng thời có thể là một yếu tố tạo đà tăng trưởng trong năm tới

Về Fecon Nghi Sơn, đơn vị này cũng có năm thay đổi về chất, kết quả đã có lợi nhuận, điều này càng làm tăng năng lực và vị thế của công ty mẹ khi tham gia đấu thầu.

Bên cạnh đó, công tác thi đua sáng kiến vẫn được duy trì và phát triển, ngày càng có nhiều cán bộ nhân viên tích cực tham gia.

Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước theo Quy định của pháp luật.

Về chế độ với người lao động: Ban giám đốc đã quan tâm và chăm lo tốt đến người lao động trong công ty cả về vật chất lẫn đời sống tinh thần.

Trong năm 2018, Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ kiến nghị nào của cổ đông về sai phạm của Ban giám đốc công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

4. Đánh giá tình hình hoạt động SXKD hợp nhất của công ty trong năm 2018.

Ban kiểm soát thống nhất với các nội của báo cáo riêng và báo cáo hợp nhất năm 2018 đã được Ban giám đốc lập và được công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam kiểm toán. Báo cáo tài chính đã phản ánh chính xác tình hình tài chính của công ty giai đoạn 01/01/2018 đến 31/12/2018, các chỉ tiêu cơ bản trên báo cáo hợp nhất tại ngày 31/12/2018 như sau:

TT	Chỉ tiêu cơ bản	Đơn vị	Tại ngày 31/12/2018
1	Tổng tài sản, trong đó:	<i>Triệu</i>	934.969
	– Tài sản ngắn hạn	<i>Triệu</i>	713.679
	– Tài sản dài hạn	<i>Triệu</i>	221.290
2	Tổng cộng nguồn vốn, trong đó:	<i>Triệu</i>	934.969
	– Nợ phải trả	<i>Triệu</i>	386.950
	– Vốn góp chủ sở hữu và các quỹ	<i>Triệu</i>	548.018
3	Tổng doanh thu (thuần)	<i>Triệu</i>	884.186
4	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<i>Triệu</i>	48.167
5	Lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ	<i>Triệu</i>	36.956
6	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<i>Đồng</i>	879

Ngoài ra, chúng tôi không thấy có biểu hiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính của ban giám đốc không phản ánh trung thực về tình hình tài chính của Công ty.

5. Đánh giá sự phối hợp giữa BKS, HĐQT, Ban GD và các cán bộ quản lý.

Trong năm 2018, Ban kiểm soát đã nhận được sự phối hợp và cộng tác tích cực từ Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty trong việc trao đổi thông tin, thông báo triệu tập họp HĐQT, họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp các báo cáo, tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra giám sát.

Ban giám đốc điều hành đã cử các cán bộ có trách nhiệm làm việc kịp thời với Ban kiểm soát khi có yêu cầu, thái độ làm việc nghiêm túc, tuân thủ hợp tác.

Ban kiểm soát đánh giá sự phối hợp của HĐQT, Ban GD điều hành đã đáp ứng được yêu cầu quyền lợi của các cổ đông.

Kiến nghị cho năm 2019: HĐQT và BGD cần:

Duy trì và tạo điều kiện để bộ phận thu hồi công nợ hoạt động hiệu quả hơn giúp việc huy động nguồn cho hoạt động kinh doanh được đảm bảo.

Phổ biến, áp dụng quy trình/quy chế đã xây dựng đến mỗi phòng/ban/phân xưởng nhằm giúp việc triển khai nghị quyết HĐQT/BGD được nhanh chóng.

Có cơ chế thưởng sáng kiến khi áp dụng thành công sáng kiến vào thực tiễn sản xuất/quản lý nhằm thúc đẩy tinh thần sáng tạo của người lao động, tăng năng suất lao động.

Tiếp tục củng cố, tăng cường nguồn lực cho công tác kinh doanh, bán hàng và công tác quản lý.

Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn (đặc biệt là nguồn vốn lưu động bằng cách tăng vòng quay nguyên vật liệu và hàng tồn kho) nhằm tiết giảm chi lãi vay.

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2019

Để hoàn thành nhiệm vụ kiểm soát theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát trình Đại hội kế hoạch làm việc năm 2019 như sau:

Tiếp tục nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành, quản lý của HĐQT, Ban giám đốc; Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, tham gia góp ý kiến với HĐQT, đề xuất các kiến nghị với Ban Giám đốc nhằm thúc đẩy, triển khai đầy đủ, kịp thời các công việc cụ thể trong phạm vi chức năng nhiệm vụ của BKS;

Soát xét kế hoạch, báo cáo của Công ty về: tình hình tài chính, SXKD, thực hiện các dự án, công tác quản lý tổ chức...

Soát xét, nêu ý kiến về Báo cáo tài chính năm và Báo cáo tài chính định kỳ của Công ty;

Kiểm tra định kỳ và đột xuất các vấn đề liên quan đến công tác tổ chức, thực hiện các Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT và Ban giám đốc;

Duy trì sự phối hợp chặt chẽ giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Ban giám đốc và các phòng/ban, đơn vị chức năng trong Công ty.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2018 và kế hoạch hoạt động năm 2019. Kính trình ĐHĐCĐ xem xét và cho ý kiến để Ban Kiểm soát thực hiện tốt vai trò của mình trong việc giám sát các hoạt động của công ty.

Cuối cùng Ban kiểm soát xin gửi tới các quý vị cổ đông lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

Chúc đại hội thành công tốt đẹp!

Xin trân trọng cảm ơn.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Thị Nghiên

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua BCTC năm 2018 đã kiểm toán

- Căn cứ luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Khoáng sản FECON;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán;
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khoáng sản FECON về việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

Hội đồng quản trị kính trình ĐHĐCĐ thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 Công ty cổ phần Khoáng sản FECON, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán CPA Việt Nam (CPA Việt Nam).

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 đã được công bố thông tin theo quy định tại Website chính thức của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định và đăng tải trên Website của Công ty (www.feconmining.com.vn).

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản năm 2018 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Công ty mẹ	Hợp nhất
1	Tổng tài sản	Triệu đồng	800.232	934.969
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	494.062	548.018
3	Tổng doanh thu (thuần)	Triệu đồng	812.648	884.186
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	49.839	36.712
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	-	879

Hội đồng quản trị kính trình và đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS;
- Lưu VP.



Hà Thế Phương

TỜ TRÌNH

Kế hoạch sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2019

- Căn cứ luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua;

- Căn cứ điều lệ của Công ty cổ phần Khoáng sản FECON;

- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán;

- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khoáng sản FECON về việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung như sau:

1. Kế hoạch hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2019

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019
1	Vốn điều lệ	Tỷ	410	410
2	Doanh thu	Tỷ	884	750
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ	36,7	35
4	Cổ tức bằng tiền (% VĐL)	%	5%	5%

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019

Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	10% Lợi nhuận sau thuế
Trích quỹ đầu tư phát triển	15% Lợi nhuận sau thuế
Thù lao HĐQT, BKS, thư ký HĐQT	984.000.000VNĐ
Thưởng Ban điều hành năm 2019	2% Lợi nhuận sau thuế
Cổ tức bằng tiền mặt	5% Vốn điều lệ

Hội đồng quản trị kính trình và đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS;
- Lưu VP.



Hà Thế Phương

TỜ TRÌNH

Phương án phân phối lợi nhuận 2018

- Căn cứ luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua;
- Căn cứ điều lệ của Công ty cổ phần Khoáng sản FECON;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán;
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khoáng sản FECON về việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

Chỉ tiêu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
Lũy kế lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm trước	35.363.533.384	-
Lợi nhuận sau thuế năm 2018	36.712.430.509	-
Phân phối các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2018	9.178.107.626	25%
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.671.243.050	10%
Quỹ đầu tư phát triển	5.506.864.576	15%
Thù lao HĐQT, BKS, thư ký HĐQT năm 2018	979.000.000	
Thưởng Ban điều hành năm 2018	734.248.610	2%
Chia cổ tức năm 2018 bằng tiền mặt	20.500.000.000	5% (VĐL)

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 phương án chia cổ tức năm 2018: Bằng tiền mặt tương ứng 5% vốn điều lệ và ủy quyền cho Giám đốc công ty căn cứ tình hình thực tiễn để thực hiện chi trả cho phù hợp.

Hội đồng quản trị kính trình và đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS;
- Lưu VP.


Hà Thế Phương

Số: 04/TTr-HĐQTFCM

Hà Nam, ngày 25/4 tháng 01 năm 2019

TỜ TRÌNH

**V/v: Quyết toán thù lao HĐQT, BKS, thư ký HĐQT năm 2018;
dự kiến mức phân phối thù lao HĐQT, BKS, thư ký HĐQT năm 2019**

- Căn cứ luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua;
- Căn cứ điều lệ của Công ty cổ phần Khoáng sản FECON;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán;
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khoáng sản FECON về việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung như sau:

1. Quyết toán thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký HĐQT năm 2018:

Tại Khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 2804/2018/NQ – ĐHĐCĐ ngày 28/4/2018, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua phương án trả thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Hội đồng quản trị năm 2018 như sau:

STT	Chức vụ/ vị trí	Số lượng (Người)	Mức thù lao 1 tháng (VNĐ)	Thù lao Năm 2018 (VNĐ)	Ghi chú
1	Chủ tịch HĐQT	1	25.000.000	300.000.000	
2	Phó chủ tịch HĐQT	1	10.000.000	120.000.000	
3	Thành viên HĐQT	3	8.000.000	288.000.000	
4	Trưởng ban kiểm soát	1	8.000.000	96.000.000	
5	Thành viên ban kiểm soát	2	5.000.000	115.000.000	Giảm 01 thành viên BKS Từ tháng 12/2018
6	Thư ký HĐQT	1	5.000.000	60.000.000	
Tổng cộng				979.000.000	

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội thông qua quyết toán thù lao năm 2018 của HĐQT, BKS và Thư ký HĐQT là: 979.000.000 đồng (Chín trăm bảy mươi chín triệu đồng chẵn).

2. Kế hoạch phân phối thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký HĐQT 2019:

- Dự kiến mức trả thù lao:

STT	Chức vụ/ vị trí	Số lượng (Người)	Mức thù lao 1 tháng (VNĐ)	Thù lao Năm 2019 (VNĐ)
1	Chủ tịch HĐQT	1	25.000.000	300.000.000
2	Phó chủ tịch HĐQT	1	10.000.000	120.000.000
3	Thành viên HĐQT	3	8.000.000	288.000.000
4	Trưởng ban kiểm soát	1	8.000.000	96.000.000
5	Thành viên ban kiểm soát	2	5.000.000	120.000.000
6	Thư ký HĐQT	1	5.000.000	60.000.000
Tổng cộng				984.000.000

- Thời gian trả thù lao: Hàng tháng trả vào tài khoản cá nhân của từng người có trong danh sách được phê duyệt.

Hội đồng quản trị kính trình và đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS;
- Lưu VP.



Hà Thế Phương

**CÔNG TY CỔ PHẦN
KHOÁNG SẢN FECON**

-----***-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

-----***-----

Số: 05/TT-HĐQTFCM

Hà Nam, ngày 25 tháng 01 năm 2019

TỜ TRÌNH

V/v: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty

- Căn cứ luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về quản trị công ty đại chúng;
- Căn cứ điều lệ của Công ty cổ phần khoáng sản FECON;

Để đảm bảo phù hợp quy định của pháp luật và đáp ứng yêu cầu trong công tác quản lý và hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty nhằm duy trì uy tín cũng như nâng cao thương hiệu FECON mining trên thị trường, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc điều chỉnh một số nội dung trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua ngày 28/4/2018 (Có nội dung đính kèm).

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty phù hợp với các yêu cầu trên.

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS;
- Lưu VP.



Hà Thế Phương



PHỤ LỤC

PHỤ LỤC BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON

(Kèm theo tờ trình số: 05/TTr-HDQT-FCM ngày 15 tháng 02 năm 2019)

SỐ TT	NỘI DUNG PHÂN ĐỐI TÊN	ĐIỀU LỆ HIỆN NAY	DỰ KIẾN THAY ĐỔI/ BỔ SUNG	LÝ DO
1	Khoản 1, Điều 1		h. “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán	
2	Khoản 3, khoản 5, Điều 2	<p>3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Thi Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. - Điện thoại: 03513533038 - Fax: 03513533897 - E- mail: phuonght@fecon.com.vn - Website: www.feconmining.com.vn <p>5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên văn phòng đại diện: VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN - CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG FECON. - Địa chỉ: Tầng 16, tòa nhà CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, Xã Mỹ Trì, huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội. - Nội dung hoạt động: Thay mặt Công ty giao dịch với khách hàng. - Điện thoại: 04 62690482 - Fax: 04 62690484 - Email: phuonght@fecon.com.vn 	<p>3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Thi Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. - Điện thoại: 02263533038 - Fax: 02263533897. - E-mail: info@feconmining.com.vn - Website: www.feconmining.com.vn <p>5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.</p>	

		- Website: www.feconmining.com.vn		
3	Khoản 2, khoản 5, Điều 5	<p>Điều 5: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</p> <p>Khoản 2. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật</p> <p>Khoản 5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh Nghiệp:</p> <p>Công ty cổ phần FECON góp 147.600.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm bốn mươi bảy tỷ, sáu trăm triệu đồng chẵn), chiếm 36% tổng vốn Điều lệ.</p> <p><i>Người đại diện là:</i></p> <p>1. Ông Hà Thế Phương (đại diện phần vốn góp: 67.600.000.000 đồng, chiếm 16,49% tổng vốn Điều lệ)</p> <p>+ Sinh ngày: 10/03/1954</p> <p>+ Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 50, Hạ Đình, Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, Hà Nội.</p> <p>+ Chỗ ở hiện tại: số 50, Hạ Đình, Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, Hà Nội.</p> <p>+ CMTND số: 012567169 do công an Hà Nội cấp ngày 14/5/2010</p> <p>2. Ông Phạm Trung Thành (đại diện phần vốn góp: 56.700.000.000 đồng, chiếm 13,83% tổng vốn Điều lệ)</p> <p>+ Sinh ngày: 21/11/1977</p> <p>+ Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 20, Phường Lê Hồng Phong, Phú Lý, Hà Nam</p>	<p>Điều 5: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</p> <p>Khoản 2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật</p> <p>Khoản 5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật doanh nghiệp được nêu tại phụ lục kèm theo Điều lệ này.</p>	

		<p>+ Chỗ ở hiện tại: Tổ 20, Phường Lê Hồng Phong, Phú Lý, Hà Nam</p> <p>+ CMTND số: 162131937 do công an Nam Định cấp ngày 21/06/2010</p> <p>3. Ông Hà Thế Lộng (đại diện phần vốn góp: 20.000.000.000 đồng, chiếm 4,88% tổng vốn Điều lệ)</p> <p>+ Sinh ngày: 15/11/1953</p> <p>+ Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 939, đường Hồng Hà, Chương Dương, Hoàn Kiếm, Hà Nội.</p> <p>+ Chỗ ở hiện tại: Số 939, đường Hồng Hà, Chương Dương, Hoàn Kiếm, Hà Nội.</p> <p>+ CMTND số: 036053000014 do cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 13/05/2013</p> <p>4. Ông Nguyễn Chí Công (đại diện phần vốn góp: 3.300.000.000 đồng, chiếm 0,08% tổng vốn Điều lệ)</p> <p>+ Sinh ngày: 13/5/1972</p> <p>+ Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P.405 nhà A23, P. Nghĩa Tân, Q. Cầu Giấy, Hà Nội</p> <p>+ Chỗ ở hiện tại: P.405 nhà A23, P. Nghĩa Tân, Q. Cầu Giấy, Hà Nội</p> <p>+ CMTND số: 013379127 do công an Hà Nội cấp ngày 17/3/2011</p>		
4	Khoản 2, khoản 3 Điều 6	<p>Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu</p> <p>Khoản 2: Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu công ty và chữ ký của người đại diện pháp luật của cty theo các quy định tại luật</p>	<p>Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu</p> <p>Khoản 2: Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một</p>	Điều 120 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/Q. H13 ban hành ngày

		<p>doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của luật doanh nghiệp.</p> <p>Khoản 3: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.</p>	<p>số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.</p> <p>Khoản 3: Trong thời hạn một (01) tháng kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn một (01) tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu</p>	26/11/2014
5	Điều 7	<p>Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác:</p> <p>Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty.</p>	<p>Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác:</p> <p>Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty sẽ được phát hành có dấu và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.</p>	
6	Khoản 4, Điều 9	<p>Điều 9. Thu hồi cổ phần</p> <p>Khoản 4: Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản</p>	<p>Điều 9. Thu hồi cổ phần:</p> <p>Khoản 4: Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</p>	

		trị thấy là phù hợp.		
7	Khoản 3 điều 11	Điều 11. Quyền của cổ đông Khoản 3: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền ...	Điều 11. Quyền của cổ đông Khoản 2: i, Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp; Khoản 3: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau:	Điều 129 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/Q H13 ban hành ngày 26/11/2014
8	Khoản 2, khoản 7, Điều 12	Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông: Khoản 2: Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông. Khoản 7. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại	Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông: Khoản 2: Tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau: a,Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b,Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; c,Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử; chịu trách nhiệm về tính hợp pháp và trung thực của Phiếu biểu quyết gửi đến; Bỏ khoản 7, Điều 12	

		<p>khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.</p>		
9	<p>Khoản 1, khoản 3, khoản 4, Điều 13:</p>	<p>Điều 13. Đại Hội đồng cổ đông</p> <p>Khoản 1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký doanh nghiệp có thể gia hạn, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính</p> <p>Khoản 3: Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p> <p>b. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;</p> <p>c. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</p>	<p>Điều 13. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Khoản 1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (4) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>Khoản 3: HĐQT phải triệu tập họp ĐHCĐ bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a, HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p> <p>b, Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;</p> <p>c, Số thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;</p> <p>d, Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3, Điều 11 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp</p>	

		<p>Khoản 4:</p> <p>b, Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 6 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>DHĐCĐ. Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</p> <p>e, BKS yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu BKS có lý do tin tưởng rằng các thành viên HĐQT hoặc Người điều hành doanh nghiệp vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc HĐQT hành động hoặc có ý định hành động ngoài</p> <p>Khoản 4:</p> <p>b, Nếu BKS không triệu tập họp ĐHĐCĐ nêu trên thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền thay thế HĐQT, BKS triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.</p>	<p>Khoản 6, Điều 136 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ban hành ngày 26/11/2014</p>
--	--	--	--	---

10	Khoản 2, Điều 14	<p>Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ:</p> <p>Khoản 2:</p> <p>m. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</p> <p>p. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</p>	<p>Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ:</p> <p>Khoản 2:</p> <p>m. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán của Công ty;</p> <p>p. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán.</p>	Khoản 1, Điều 162 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ban hành ngày 26/11/2014
11	Khoản 1, Điều 16	<p>Điều 16. Thay đổi các quyền</p> <p>Khoản 1: Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 51% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại</p>	<p>Điều 16. Thay đổi các quyền</p> <p>Khoản 1: Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp</p>	

		<p>biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</p>	<p>không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên</p>	
12	<p>Khoản 2, khoản 3, khoản 5. Điều 17</p>	<p>Điều 17. Triệu tập ĐHĐCĐ, Chương trình họp, và thông báo họp ĐHĐCĐ: Khoản 2: a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội chậm nhất ba mươi (30) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty; Khoản 3: Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán (đối với các Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty. Thông báo họp Đại</p>	<p>Điều 17. Triệu tập ĐHĐCĐ, Chương trình họp, và thông báo họp ĐHĐCĐ: Khoản 2: a, Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại ĐHĐCĐ. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ; Khoản 3: Thông báo họp ĐHĐCĐ phải được gửi đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).</p>	

hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.

Thông báo họp ĐHĐCĐ có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ do Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp ĐHĐCĐ có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Công ty phải thực hiện việc công bố thông tin đồng thời với việc gửi thông báo họp, trên trang thông tin điện tử của Công ty và ủy ban chứng khoán nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán.

Thông báo họp ĐHĐCĐ phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- + Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- + Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường họp bầu thành viên HĐQT, Kiểm soát viên;
- + Phiếu biểu quyết;
- + Mẫu chỉ định đại diện theo ủy

		<p>Khoản 5: b, Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này;</p>	<p>quyền dự họp; Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p> <p>Khoản 5: b, Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5 % cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng.</p>	
13	Khoản 6 Điều 19	<p>Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Khoản 6: Chủ tọa Đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết.</p>	<p>Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Khoản 6: Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp</p>	Khoản 8, Điều 142 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/Q H13 ban hành ngày 26/11/2014
14		<p>Điều 20. Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ Khoản 1: c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc.</p>	<p>Điều 20. Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ Khoản 1: C, Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp</p>	Khoản 3, Điều 144 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/Q H13 ban hành ngày 26/11/2014
15	Khoản 1, khoản 2, khoản 7, khoản 8, Điều 21	<p>Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội cổ đông. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p>	<p>Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định sau đây:</p>	

	<p>Khoản 1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức đảm bảo đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.</p> <p>6. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.</p> <p>7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>Khoản 1.HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p> <p>2.HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến;</p> <p>6.Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu;</p> <p>7.Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính</p>	
--	--	---	--

		<p>Khoản 8: Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>của Công ty;</p> <p>Khoản 8: Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.</p>	
16	Điều 22	<p>Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký các nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty</p>	<p>Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ; Chương trình và nội dung cuộc họp; Họ, tên chủ tọa và thư ký; Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp; Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng; Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý 	

			<p>kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</p> <p>h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng.</p> <p>i) Chữ ký của Thư ký và Chủ tọa Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</p> <p>1. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p> <p>2. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi Biên bản họp có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.</p> <p>3. Biên bản ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại ĐHĐCĐ trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.</p>	
--	--	--	--	--

			4. Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty .	
17	Điều 23	<p>Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</p> <p>2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.</p> <p>Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</p>	<p>Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của ĐHĐCĐ không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại Điều lệ này.</p> <p>2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.</p> <p>Trường hợp quyết định của ĐHĐCĐ bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại ĐHĐCĐ trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày Quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài có hiệu lực pháp luật theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này</p>	

18	Điều 24	<p>Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị độc lập (đối với công ty đại chúng quy mô lớn và công ty niêm yết) phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) thành viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p> <p>3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ</p>	<p>Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên HĐQT ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người, số lượng cụ thể do ĐHĐCĐ quyết định. Nhiệm kỳ của HĐQT là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm; thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>2. Cơ cấu thành viên HĐQT như sau: Tổng số thành viên độc lập HĐQT phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên HĐQT. Số lượng tối thiểu thành viên HĐQT độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</p> <p>3. Thành viên HĐQT sẽ không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a, Không đủ tư cách làm thành viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT; b, Có đơn từ chức; c, Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi; d, Không tham dự các cuộc họp của HĐQT liên tục trong vòng sáu tháng, trừ trường hợp bất khả kháng; e, Theo quyết định của ĐHĐCĐ; g, Cung cấp thông tin cá nhân không trung thực khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên HĐQT; h, Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và điều lệ này. <p>4. Việc bổ nhiệm các thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng</p>
----	---------	--	--

	<p>chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;</p> <p>c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;</p> <p>đ. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>5. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày</p>	<p>khoán.</p> <p>5. Thành viên HĐQT có thể không phải là cổ đông công ty.</p>
--	---	---

		<p>được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.</p> <p>6. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>7. Thành viên hội đồng quản trị có thể không phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.</p>	
19	Khoản 4, khoản 6, Điều 25	<p>Điều 25. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>Khoản 4:</p> <p>c. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 108 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 120 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê, mua công ty và liên doanh);</p> <p>Khoản 6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.</p>	<p>Điều 25. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>Khoản 4:</p> <p>c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty</p> <p>Khoản 6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, HĐQT có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và Người điều hành doanh nghiệp đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.</p>

20	Khoản 7, Điều 27	<p>Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:</p> <p>Khoản 7: Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba (03) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên hội đồng không thể dự họp</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.</p>	<p>Điều 27. Các cuộc họp của hội đồng quản trị:</p> <p>Khoản 7: Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp HĐQT phải được gửi trước cho các thành viên HĐQT ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên HĐQT đó. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp và các phiếu biểu quyết của các thành viên. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại công ty.</p> <p>Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên HĐQT. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p>
21	Khoản 1, khoản 4 Điều 35	<p>Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>Khoản 1: Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và cán bộ quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</p> <p>Khoản 4:</p>	<p>Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>Khoản 1: Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.</p> <p>Khoản 4:</p>

	<p>a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan.</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 35% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này; không có lợi ích liên quan;</p>	<p>a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng [hai mươi phần trăm (20%)] tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn [hai mươi phần trăm (20%)] tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;</p>
--	--	---

Số: 06/TTr-HĐQTFCM

Hà Nam, ngày 25 tháng 01 năm 2019

TỜ TRÌNH

Danh sách để lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019

- Căn cứ luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Khoáng sản FECON;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán;
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khoáng sản FECON về việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt thông qua danh sách 04 công ty Kiểm toán độc lập để Hội đồng quản trị chọn đơn vị kiểm toán cho Công ty năm 2019 như sau:

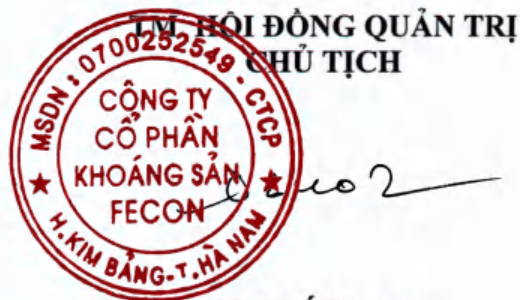
1. Công ty TNHH kiểm toán CPA Việt Nam (CPA Việt Nam);
2. Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC (AASC);
3. Công ty TNHH kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA);
4. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

Trong trường hợp không thống nhất được với những Công ty Kiểm toán trên về tiến độ và mức phí kiểm toán, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn trong số các Công ty Kiểm toán còn lại trong Danh sách Công ty kiểm toán độc lập được chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 và soát xét Báo cáo tài chính Quý, Báo cáo tài chính bán niên năm 2019 (nếu cần thiết theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước).

Hội đồng quản trị kính trình và đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS;
- Lưu VP.



Hà Thế Phương

Hà Nam, ngày tháng năm 2019

THẺ LỆ BẦU CỬ

**THÀNH VIÊN HĐQT VÀ BAN KIỂM SOÁT
NHIỆM KỲ 2019 - 2024**

- Căn cứ luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13, ban hành ngày 26/11/2014;
- Căn cứ luật Chứng khoán số 70/2006/QH1, ban hành ngày 29/6/2006 và Luật chứng khoán sửa đổi số 62/2010/QH12, ban hành ngày 24/11/2010;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON;
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Cổ phần Khoáng sản FECON;

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Khoáng Sản FECON tiến hành bầu Hội đồng quản trị & Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2019 - 2024 theo các nội dung dưới đây:

1. Đối tượng thực hiện bầu cử

Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông Công ty chốt ngày 11/01/2019, có mặt tại Đại hội.

2. Số lượng thành viên HĐQT được bầu: HĐQT là 05 thành viên, Ban kiểm soát là 03 thành viên.

3. Phiếu bầu và cách ghi phiếu bầu:

- Danh sách ứng cử viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát được ghi đầy đủ họ tên trên phiếu bầu, sắp xếp thứ tự theo Alphabet.
- Phiếu bầu và ghi phiếu bầu:

Phiếu bầu được in thống nhất, có tổng số quyền biểu quyết theo mã số tham dự, kê cả số được ủy quyền, nếu có và đóng dấu tròn của công ty bên góc trái trên. Cổ đông kiểm tra số quyền biểu quyết ngày khi nhận được phiếu bầu để tránh sai sót đáng tiếc;

Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền được phát đồng thời phiếu bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (khác màu giấy) theo mã số tham dự (sở hữu và được ủy quyền);

Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban kiểm phiếu đổi phiếu bầu khác và gửi lại phiếu ghi sai;

Cổ đông phải tự mình ghi số biểu quyết bầu cho từng ứng cử viên vào ô trống của từng ứng cử viên đó trên phiếu bầu. Trong trường hợp ủy quyền hợp lệ (có giấy ủy quyền), người được ủy quyền có đầy đủ quyền biểu quyết.

• Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ:

- Phiếu không theo mẫu quy định của Công ty, không có dấu của công ty;
- Phiếu gạch xóa, sửa chữa, ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên đã được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;
- Phiếu có tổng số quyền biểu quyết cho những ứng cử viên của cổ đông vượt quá tổng số quyền biểu quyết (được ghi trên phiếu bầu) của cổ đông đó sở hữu/ được ủy quyền.

4. Phương thức bầu cử:

Việc bầu cử Hội đồng quản trị & Ban kiểm soát được thực hiện qua bỏ phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu (theo hướng dẫn tại phụ lục đính kèm);

Mỗi cổ đông có tổng số quyền biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) và được thể hiện trên phiếu bầu;

Cổ đông có thể dồn hết tổng số quyền biểu quyết cho một số ứng cử viên, nhưng tổng không được vượt khỏi số đã ghi trên phiếu;

5. Ban kiểm phiếu, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu:

- Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Thành viên Ban Kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào HĐQT hoặc Ban Kiểm soát.

Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm:

- ✓ Thông qua thể lệ bầu cử;
- ✓ Giới thiệu phiếu và phát phiếu bầu;
- ✓ Tiến hành kiểm phiếu;
- ✓ Công bố kết quả bầu cử trước Đại hội.

- Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

Ban Kiểm phiếu kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;

Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;

Việc kiểm phiếu được thành lập thành văn bản và được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội.

6. Nguyên tắc trúng cử thành viên HĐQT/BKS:

Người trúng cử thành viên HĐQT/BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên HĐQT 05 người và Ban Kiểm soát là 03 người.

Trường hợp có những ứng viên ở mức cuối có số phiếu bầu ngang nhau thì sẽ tổ chức bầu lại riêng cho các ứng viên đó để chọn người có số phiếu cao hơn.

Nếu sau hai lần bầu cử mà vẫn không chọn đủ số thành viên theo yêu cầu của ĐHĐCĐ có thể biểu quyết để khuyết thành viên và bầu bổ sung trong kỳ họp ĐHĐCĐ tiếp theo.

7. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu. Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham gia dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ quyền biểu quyết của cổ đông tham gia bỏ phiếu so với tổng số quyền biểu quyết của cổ đông tham gia dự họp (theo phương thức bầu dồn phiếu), số và tỷ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ, phiếu trống; số và tỷ lệ quyền biểu quyết cho từng ứng cử viên vào HĐQT và Ban kiểm soát. Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội và được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

8. Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu sẽ do chủ tọa Đại hội giải quyết và được ghi vào Biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông.

Thể lệ bầu cử sẽ được đưa lên trang Website Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông mà không cần đọc lại trong Đại hội.

(Đính kèm Phụ lục Hướng dẫn bầu dồn phiếu)

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Lưu VP.



Hà Thế Phương

PHỤ LỤC

HƯỚNG DẪN BẦU DÒN PHIẾU

I. Bầu thành viên Hội đồng quản trị:

Giả sử Đại hội đồng cổ đông biểu quyết chọn 05 thành viên HĐQT trong tổng số 09 ứng viên. Cổ đông Nguyễn Văn A nắm giữ (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) 1.000.000 cổ phần có quyền biểu quyết. Khi đó tổng số quyền biểu quyết của cổ đông Nguyễn Văn A là **5.000.000 quyền biểu quyết** ($1.000.000 \times 5 = 5.000.000$).

Cổ đông Nguyễn Văn A có thể bầu dòn phiếu theo một trong các phương thức sau:

1. Dồn hết 5.000.000 quyền biểu quyết của mình cho một ứng cử viên thành viên HĐQT.
2. Chia đều 5.000.000 quyền biểu quyết cho 05 ứng viên thành viên HĐQT (trương đương mỗi ứng cử viên nhận được 1.000.000 quyền biểu quyết của cổ đông Nguyễn Văn A).
3. Cổ đông Nguyễn Văn A có thể chia 5.000.000 quyền biểu quyết của mình cho 05 ứng cử viên theo những tỷ lệ quyền biểu quyết khác nhau nhưng tổng số quyền biểu quyết cho những ứng cử viên đó không vượt quá 5.000.000 quyền biểu quyết.

Phiếu bầu của cổ đông Nguyễn Văn A sẽ không hợp lệ trong các trường hợp sau:

1. Phiếu không theo mẫu do công ty quy định, không có dấu của công ty;
2. Tổng số quyền biểu quyết cho những ứng cử viên đó của cổ đông Nguyễn Văn A vượt qua con số **5.000.000** quyền biểu quyết;
3. Số ứng cử viên cổ đông Nguyễn Văn A bỏ phiếu vượt quá 05 người;
4. Các trường hợp khác quy định tại Thẻ lệ bầu cử.

II. Bầu thành viên Ban Kiểm soát:

Bầu thành viên Ban kiểm soát thực hiện giống như bầu thành viên HĐQT nêu trên.

TỜ TRÌNH

V/v: Danh sách đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2019 – 2024

- Căn cứ luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Khoáng sản FECON;
- Căn cứ đơn đề cử, ứng cử viên tham gia thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát công ty nhiệm kỳ 2019 – 2024 của cổ đông/nhóm cổ đông đủ điều kiện ứng cử và đề cử;

Hội đồng quản trị kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 thông qua Danh sách ứng viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2019 – 2024 như sau:

1. Ứng viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Quốc tịch
1	Hà Thế Phương	Việt Nam
2	Phan Khắc Long	Việt Nam
3	Trần Vũ Anh Tuấn	Việt Nam
4	Trần Công Tráng	Việt Nam
5	Đoàn Hùng Dũng	Việt Nam

(Thông tin cá nhân kèm theo Tờ trình này)

2. Ứng viên Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Quốc tịch
1	Nguyễn Thị Lan Hương	Việt Nam
2	Hà Thị Mỹ Quyên	Việt Nam
3	Lê Thị Anh	Việt Nam

(Thông tin cá nhân kèm theo Tờ trình này)

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.



Hà Thế Phương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nam, ngày 25 tháng 01 năm 2019

DANH SÁCH ỨNG VIÊN
THÀNH VIÊN HĐQT VÀ BKS - NHIỆM KỲ (2019 - 2024)

1. Danh sách ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

Số TT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ	Số CMND/CCCD/Hộ chiếu hoặc số Giấy CNĐKDN, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ
1	Hà Thế Phương	10/3/1954	Kỹ sư công nghệ thông tin	036054001342, cấp 10/8/2016, tại cục cảnh sát ĐK QLCT& DLQG	50 Hạ Đình, Thanh Xuân, Hà Nội
2	Phan Khắc Long	04/11/1961	Kỹ sư	020907633, Cấp ngày 15/07/2011 Tại CA. TP. HCM	281/40 Lê Văn sỹ, P1, Q.Tân Bình, TP.HCM
3	Trần Vũ Anh Tuấn	30/8/1983	Thạc sỹ	023466331, cấp ngày 31/1/2013, tại CA TPHCM	11.03 cao ốc A Ngô Gia Tự, P.3 Quận 10 TP.HCM
4	Trần Công Tráng	10/10/1976	Đại Học Thương Mại (Tài chính Kế toán)	013071633 ngày 11/4/2008 tại Hà Nội	SN 19, Ngõ 116, Phố Kim Hoa, P.Phương Liên, Quận Đống Đa, Hà Nội
5	Đoàn Hùng Dũng	17/3/1955	Tiến Sĩ	020707584; cấp ngày 27/02/2014 tại CA TP HCM	Nguyễn Thị Nhỏ, Phường 9, Quận Tân Bình, TPHCM

2. Danh sách ứng viên thành viên Ban kiểm soát

Số TT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ	Số CMND/CCCD/Hộ chiếu hoặc số Giấy CNĐKDN, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ
1	Nguyễn Thị Lan Hương	10/3/20187	Cử nhân Kinh tế (Kiểm toán)	001187005783; ngày 08/10/2015 tại Hà Nội	Đội 10, Đại Ánh, Thanh Trì Hà Nội
2	Hà Thị Mỹ Quyên	18/10/1983	Quản trị kinh doanh (hạch toán kế toán)	150514284, cấp ngày 06/6/2016 tỉnh Lâm Đồng	Hiệp Thuận, Xã Ninh Gia, Huyện Đức Trọng, Lâm Đồng
3	Lê Thị Anh	27/9/1986	Đại học (Kế toán kiểm toán)	038186000863 cấp ngày 20/4/2016 cục cảnh sát ĐK QLCT& DLQG	Yên Thọ, Yên Định, Thanh Hóa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng cho ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị/Ban kiểm soát

Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON)

1. Họ và tên : Hà Thế Phương
2. Giới tính : Nam
3. Ngày tháng năm sinh : 10/3/1954
4. Nơi sinh : Yên Phú – Ý Yên – Nam Định
5. CMND số : 036054001342, cấp ngày 10/08/2016, tại cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.
6. Quốc tịch : Việt Nam
7. Dân tộc : Kinh
8. Địa chỉ thường trú : Số 50 Hạ Đình, Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, Hà Nội
9. Số điện thoại Công ty : 0226 3533 038 Số điện thoại di động: 0912 381 099
10. Địa chỉ email : phuonght@fecon.com.vn
11. Trình độ chuyên môn : Kỹ sư công nghệ thông tin
12. Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

- + Từ tháng 7/2008 đến tháng 10/2009 Giám đốc sản xuất Công ty TNHH cọc bê tông dự ứng lực FECON
- + Từ tháng 10/2009 đến tháng 4/2010 Phó GD Công ty TNHH cọc bê tông dự ứng lực FECON
- + Từ tháng 5/2010 đến tháng 12/2014 Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty cổ phần Khoáng Sản FECON
- + Từ tháng 1/2015 đến nay Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Khoáng Sản FECON

13. Các chức vụ công tác hiện nay:	13.1. Chức vụ tại tổ chức niêm yết (ghi rõ tên và mã chứng khoán của tổ chức niêm yết): Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Khoáng Sản FECON – MCK: FCM
	13.2. Chức vụ tại tổ chức khác (ghi rõ tên và mã



	chứng khoán của tổ chức khác (nếu có): Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần FECON – MCK: FCN
14. Tổng số cổ phần nắm giữ (tại thời điểm ứng cử 08/1/2019), trong đó:	4.516.494 Cổ phần, chiếm 11.01 % vốn điều lệ
+ Đại diện phần vốn của (tên tổ chức là cổ đông Nhà nước/cổ đông chiến lược/khác:	4.491.494 Cổ phần, chiếm 10.95 % vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	25.000 Cổ phần, chiếm 0.06 % vốn điều lệ
15. Các cam kết nắm giữ (nếu có)	
16. Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:	16.1.Mối quan hệ: Anh trai, Tên cá nhân/ tổ chức: Hà Thế Lộng nắm giữ: 25.000 cổ phần, chiếm 0.06 % vốn điều lệ
	16.2.Mối quan hệ:....., Tên cá nhân/ tổ chức:.....năm giữ:.....% vốn điều lệ

17. Những khoản nợ đối với Công ty: Không
18. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
19. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nam, ngày 08 tháng 01 năm 2019

Người khai

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của tổ chức đang làm việc hoặc xác nhận của Ủy ban nhân dân. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương



GIÁM ĐỐC

Phạm Trung Thành

Hà Thế Lộng

Hà Thế Phương

SƠ YẾU LÝ LỊCH

*(Dùng cho ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị/Ban kiểm soát
Công ty cổ phần khoáng sản FECON)*

1. Họ và tên: **: PHAN KHẮC LONG**
2. Giới tính: **: Nam**
3. Ngày tháng năm sinh **: 04/11/1961**
4. Nơi sinh: **: Hải Phòng**
5. Số CMND/hộ chiếu **: 020907633** Ngày cấp: **15/07/2011** Tại **CA. TP. HCM**
6. Quốc tịch: **: Việt Nam**
7. Dân tộc: **: Kinh**
8. Địa chỉ thường trú: **: 281/40 Lê Văn Sỹ, P1, Q. Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh**
9. Số điện thoại Công ty **: +84 (028) 22200884-6** Số điện thoại di động: **+84 913 914 940**
10. Địa chỉ email **: phankhaclong@phanvu.com**
11. Trình độ chuyên môn: **: Đại học – Kỹ sư**
12. Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - o **Từ 1983 đến 1989** : **Kỹ sư xí nghiệp liên hiệp Cơ khí Giao thông vận tải 2**
 - o **Từ 1990 đến 1994** : **Công tác tại Trường Dạy nghề Lý Tự Trọng**
 - o **Từ 1994 đến 1996** : **Giám đốc Doanh nghiệp tư nhân Đại Việt Phát**
 - o **Từ 1996 đến 2000** : **Giám đốc Công ty TNHH SX & XD Phan Vũ**
 - o **Từ 2001 đến 2018** : **Chủ tịch kiêm Tổng Giám Đốc Cty Cổ Phần Đầu tư Phan Vũ**
 - o **Từ 2018 đến nay** : **Chủ tịch HĐQT Cty Cổ Phần Đầu tư Phan Vũ**

13. Các chức vụ công tác hiện nay:	13.1. Chức vụ tại tổ chức niêm yết (ghi rõ tên và mã chứng khoán của tổ chức niêm yết): Không
	13.2. Chức vụ tại tổ chức khác (ghi rõ tên và mã chứng khoán của tổ chức khác (nếu có): Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Đầu tư Phan Vũ
14. Tổng số cổ phần nắm giữ (tại thời điểm ứng cử: 10/01/2019), trong đó:	20.910.000 cổ phần, chiếm 51% vốn điều lệ
+ Đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Đầu tư Phan Vũ	20.910.000 cổ phần, chiếm 51% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
15. Cam kết nắm giữ (nếu có): Không	

<p>16. Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:</p> <p style="text-align: center;">Không</p>	<p>16.1. Mỗi quan hệ :....., Tên cá nhân/ Tổ chức: nắm giữ: Cổ phần, chiếm % vốn điều lệ</p>
	<p>16.2. Mỗi quan hệ :....., Tên cá nhân/ Tổ chức: nắm giữ: Cổ phần, chiếm % vốn điều lệ</p>

17. Những khoản nợ đối với Công ty : **Không**
18. Lợi ích liên quan đối với Công ty : **Không**
19. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : **Không**

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2019.

NGƯỜI KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của tổ chức đang làm việc hoặc xác nhận của Ủy ban nhân dân nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương



**Tổng Giám Đốc
Bùi Đức Thông**

[Handwritten signature]

Phan Khắc Trọng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng cho ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị/Ban kiểm soát

Công ty cổ phần khoáng sản FECON)

1. Họ và tên: : **TRẦN VŨ ANH TUẤN**
2. Giới tính: : **Nam**
3. Ngày tháng năm sinh : **30/08/1983**
4. Nơi sinh: : **Thành phố Hồ Chí Minh**
5. Số CMND/hộ chiếu : **023466331** Cấp ngày **31/01/2013** Tại **CA.TP. Hồ Chí Minh**
6. Quốc tịch: : **Việt Nam**
7. Dân tộc: : **Kinh**
8. Địa chỉ thường trú: : **11.03 Cao Ốc A Ngô Gia Tự, Phường 3, Quận 10, Tp.Hồ Chí Minh**
9. Số điện thoại Công ty : **+84 (028) 22200884-6** Số điện thoại di động: **+84 933 823 988**
10. Địa chỉ email : **tuan.tran@phanvu.com**
11. Trình độ chuyên môn: : **Thạc sỹ**
12. Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - o **Từ tháng 4/2009 đến 2010** **Trợ lý Tổng Giám Đốc phụ trách Tái cấu trúc Công ty Cổ phần Đầu tư Phan Vũ tại TP. Hồ Chí Minh**
 - o **Từ 2010 đến 2011** **Trưởng phòng kế hoạch Công ty Cổ phần Đầu tư Phan Vũ**
 - o **Từ 2012 đến 2014** **Giám đốc nhà máy Công ty Cổ phần Đầu tư Phan Vũ**
 - o **Từ 2014 đến 2015** **Trưởng phòng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Phan Vũ**
 - o **Từ 2016 đến nay** **Phó Tổng Giám Đốc Khối Phan Vũ Miền Bắc Công ty Cổ phần Đầu Tư Phan Vũ**

13. Các chức vụ công tác hiện nay:	13.1. Chức vụ tại tổ chức niêm yết (ghi rõ tên và mã chứng khoán của tổ chức niêm yết): Không
	13.2. Chức vụ tại tổ chức khác (ghi rõ tên và mã chứng khoán của tổ chức khác (nếu có): Phó Tổng Giám Đốc Khối Phan Vũ Miền Bắc của Công ty Cổ phần Đầu tư Phan Vũ
14. Tổng số cổ phần nắm giữ (tại thời điểm ứng cử: 10/01/2019), trong đó:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Đại diện phần vốn của (tên tổ chức là cổ đông Nhà nước/ cổ đông chiến lược/ khác):	----- cổ phần, chiếm% vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu:	----- cổ phần, chiếm% vốn điều lệ
15. Cam kết nắm giữ (nếu có): Không	
16. Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: Không	16.1. Mọi quan hệ :....., Tên cá nhân/ Tổ chức: nắm giữ: Cổ phần, chiếm % vốn điều lệ
	16.2. Mọi quan hệ :....., Tên cá nhân/ Tổ chức: nắm giữ: Cổ phần, chiếm % vốn điều lệ

17. Những khoản nợ đối với Công ty : **Không**

18. Lợi ích liên quan đối với Công ty : **Không**

19. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : **Không**

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2019.

NGƯỜI KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của tổ chức đang làm việc hoặc xác nhận của Ủy ban nhân dân nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương



Tổng Giám Đốc
Bùi Đức Thông

(Handwritten signature in blue ink)

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng cho ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị
Công ty cổ phần khoáng sản FECON)

- Họ và tên: : Trần Công Tráng
- Giới tính: : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 10/10/1976
- Nơi sinh: : Yên Bình, Ý Yên, Nam Định
- Số CMND/hộ chiếu : 013071633 Ngày cấp: 11/04/2008 Tại: Hà nội
- Quốc tịch: : Việt Nam
- Dân tộc: : Kinh
- Địa chỉ thường trú: : Số nhà 19, ngõ 116, phố Kim Hoa, Phường Phương Liên, Quận
Đống Đa, TP Hà Nội
- Số điện thoại Công ty : 024.6269.0482 > Máy lẻ: 344. Số điện thoại di động: 0989.748.757
- Địa chỉ email : trangtc@geconsul.com.vn
- Trình độ chuyên môn: : Đại học
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

- | | |
|--------------------------------------|---|
| + Từ tháng 11/2014 đến nay | Kế toán trưởng- Viện nền móng và công trình
ngầm
Kiêm Trưởng ban kiểm soát - Công ty cho thuê
thiết bị KFH |
| + Từ tháng 07/2013 đến tháng 10/2014 | Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng - Công ty
Kiểm toán Vietin |
| + Từ tháng 07/2011 đến tháng 07/2013 | Phó Giám đốc - Công ty TNHH Việt Lâm |
| + Từ tháng 01/2008 đến tháng 06/2011 | Phó phòng kế toán Công ty cổ phần xây dựng số 3-
Tập đoàn BRG, kiêm Kế toán trưởng Công ty CP
Xây dựng Nhiệt Đới(công ty con). |
| + Từ tháng 01/2003 đến tháng 05/2008 | Kế toán Công ty cổ phần ĐT và PT nhà HN số 22-
Tổng công ty HANDICO. Kiêm KT trưởng Xí
nghiệp xây dựng 5. |
| + Từ tháng 01/2000 đến tháng 12/2002 | Phụ trách Phòng Kế toán – Chi nhánh Công ty VT
và XD đường thủy nội địa. |



13. Các chức vụ công tác hiện nay:	13.1. Chức vụ tại tổ chức niêm yết (ghi rõ tên và mã chứng khoán của tổ chức niêm yết):
	13.2. Chức vụ tại tổ chức khác (ghi rõ tên và mã chứng khoán của tổ chức khác (nếu có):
14. Tổng số cổ phần nắm giữ (tại thời điểm ứng cử:.....), trong đó:	----- cổ phần, chiếm% vốn điều lệ
+ Đại diện phần vốn của (tên tổ chức là cổ đông Nhà nước/ cổ đông chiến lược/ khác):	----- cổ phần, chiếm% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	----- cổ phần, chiếm% vốn điều lệ
15. Cam kết nắm giữ (nếu có)	
16. Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:	16.1. Mỗi quan hệ :....., Tên cá nhân/ Tổ chức: nắm giữ: Cổ phần, chiếm % vốn điều lệ
	16.2. Mỗi quan hệ :....., Tên cá nhân/ Tổ chức: nắm giữ: Cổ phần, chiếm % vốn điều lệ

17. Những khoản nợ đối với Công ty : không có
18. Lợi ích liên quan đối với Công ty : không có
19. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : không có

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

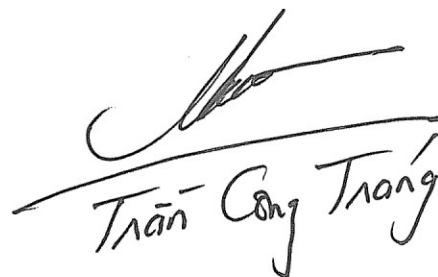
....., ngày 25 tháng 12 năm 2018.

NGƯỜI KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của tổ chức đang làm việc hoặc xác nhận của Ủy ban nhân dân nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương


GIÁM ĐỐC
Nguyễn Song Thành


Trần Công Trọng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

*(Dùng cho ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị/Ban kiểm soát
Công ty cổ phần khoáng sản FECON)*

1. Họ và tên: **:ĐOÀN HÙNG DŨNG**
2. Giới tính: **:Nam**
3. Ngày tháng năm sinh **:17/03/1955**
4. Nơi sinh: **:Thành phố Hồ Chí Minh**
5. Số CMND/hộ chiếu **:020707584** Ngày cấp: **27/2/2014** Tại **CA. TP.HCM**
6. Quốc tịch: **:Việt Nam**
7. Dân tộc: **:Kinh**
8. Địa chỉ thường trú: **:111 Nguyễn Thị Nhỏ, P. 9, Q. Tân Bình, Tp. HCM**
9. Số điện thoại Công ty **:+84 (028) 22200884-6** Số điện thoại đi động: **+84 903684580**
10. Địa chỉ email **:doandungsg@gmail.com**
11. Trình độ chuyên môn: **:Tiến sỹ khoa học quản lý**
12. Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - **Từ 1990 đến 1997:** **: Lãnh đạo Chi Cục Tiêu Chuẩn-Đo lường-Chất lượng TP.HCM**
 - **Từ 1998 đến 2000:** **: Phụ trách hợp tác quốc tế và kế hoạch, tài chính Sở Khoa học-Công nghệ TP.HCM**
 - **Từ 2000 đến 2005:** **: Học tại Stanford University**
 - **Từ 2005 đến nay** **: Chuyên gia cao cấp các dự án quốc tế
Chủ tịch PSD Consulting Company
Giảng viên cao cấp**

13. Các chức vụ công tác hiện nay:	13.1. Chức vụ tại tổ chức niêm yết (ghi rõ tên và mã chứng khoán của tổ chức niêm yết): Không 13.2. Chức vụ tại tổ chức khác (ghi rõ tên và mã chứng khoán của tổ chức khác (nếu có): Chủ tịch PSD Consulting Company Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Phan Vũ
14. Tổng số cổ phần nắm giữ(tại thời điểm ứng cử: 10/01/2019), trong đó:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Đại diện phần vốn của (tên tổ chức là cổ đông Nhà nước/ cổ đông chiến lược/ khác):	----- cổ phần, chiếm% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	----- cổ phần, chiếm% vốn điều lệ
15. Cam kết nắm giữ (nếu có): Không	
16. Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: Không	16.1. Mỗi quan hệ :....., Tên cá nhân/ Tổ chức: nắm giữ: Cổ phần, chiếm % vốn điều lệ
	16.2. Mỗi quan hệ :....., Tên cá nhân/ Tổ chức: nắm giữ: Cổ phần, chiếm % vốn điều lệ

17. Những khoản nợ đối với Công ty : **Không**
 18. Lợi ích liên quan đối với Công ty : **Không**
 19. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : **Không**

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2019.

Xác nhận của tổ chức đang làm việc hoặc xác nhận của Ủy ban nhân dân nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương



NGƯỜI KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Handwritten signature)
Đoàn Hùng Dũng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

-----o0o-----

SƠ YẾU LÝ LỊCH



1/ Họ và tên: NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG
2/ Giới tính: NỮ
3/ Ngày tháng năm sinh: 13/10/1987
4/ Nơi sinh: Hà Nội
5/ CMND: 001187005783, ngày cấp 08/10/2015, nơi cấp: Hà Nội
6/ Quốc tịch: Việt Nam
7/ Dân tộc: Kinh
8/ Địa chỉ thường trú: Đội 10, Đại Áng, Thanh Trì, Hà Nội
9/ Số điện thoại công ty: 024. 62 69 04 81 (ext 136), Số điện thoại di động: 0936 438 241
10/ Địa chỉ email: huongnguyen1310@gmail.com
11/ Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Chuyên ngành Kiểm toán

12/ Quá trình công tác:

- + Từ tháng 10/2016 đến nay: Phó Ban KSNB –CTCP FECON
- + Từ tháng 11/2015 đến tháng 10/2016: Thành viên BKS –CTCP Bảo hiểm Hàng không (VNI)
- + Từ tháng 02/2013 đến tháng 11/2015: Chuyên viên kiểm toán nội bộ - CTCP Bảo hiểm Hàng không (VNI)
- + Từ tháng 07/2010 đến tháng 01/2013: Trưởng nhóm kiểm toán và tư vấn kế toán – Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Doanh nghiệp KTC
- + Từ tháng 08/2009 đến tháng 06/2010: Trợ lý Kiểm toán – Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Doanh nghiệp KTC

13/ Các chức vụ công tác hiện nay:	13.1 Chức vụ tại tổ chức niêm yết (ghi rõ tên và mã chứng khoán của tổ chức niêm yết): Công ty cổ phần FECON – mã CK: FCN Từ 10/2016 đến nay: Phó Trưởng ban Kiểm soát nội bộ - Công ty CP FECON
	13.2 Chức vụ tại tổ chức khác (ghi rõ tên và mã chứng khoán của tổ chức khác (nếu có)): không có
14/ Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 0), trong đó: + Đại diện phần vốn của (tên tổ chức là cổ đông Nhà nước/cổ đông chiến lược/ khác): + Cá nhân sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
15/Các cam kết nắm giữ (nếu có): -----	
16/Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:	16.1 Mọi quan hệ: Không có
	16.2 Mọi quan hệ: Không có
17/ Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có
18/ Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không có



19/ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.



Xác nhận của nơi làm việc

TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Chánh

Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2018

Người khai

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Lan Hương



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

*(Dùng cho ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị/Ban kiểm soát
Công ty cổ phần khoáng sản FECON)*

1. Họ và tên: : Hà Thị Mỹ Quyên
2. Giới tính: : Nữ
3. Ngày tháng năm sinh : Ngày 18 tháng 10 năm 1983
4. Nơi sinh: : Lâm Đồng
5. Số CMND/hộ chiếu : 2505 14284 , cấp ngày 06 tháng 06 năm 2016, tại Công an tỉnh Lâm Đồng
6. Quốc tịch: : Việt Nam
7. Dân tộc: : Kinh
8. Địa chỉ thường trú: : Hiệp Thuận – Ninh Gia – Đức Trọng – Lâm Đồng.
9. Số điện thoại Công ty : 028 22200884 Số điện thoại di động: 0989 732 198
10. Địa chỉ email : myquyen@phanvu.com
11. Trình độ chuyên môn:
 - Quản trị kinh doanh;
 - Hoạch toán Kế toán.
12. Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - Từ tháng 4/2012 – tháng 12/2017: Chuyên viên Kế hoạch, Công ty Cổ phần Đầu tư Phan Vũ.
 - Từ tháng 01/2018 – nay: Phó bộ phận Kiểm soát nội bộ Công ty Cổ phần Đầu tư Phan Vũ



13. Các chức vụ công tác hiện nay:	13.1. Chức vụ tại tổ chức niêm yết (ghi rõ tên và mã chứng khoán của tổ chức niêm yết):
	13.2. Chức vụ tại tổ chức khác (ghi rõ tên và mã chứng khoán của tổ chức khác (nếu có): Phó bộ phận Kiểm soát nội bộ Công ty Cổ phần đầu tư Phan Vũ
14. Tổng số cổ phần nắm giữ (tại thời điểm ứng cử: 09/01/2019), trong đó:	0 cổ phần, chiếm 0.% vốn điều lệ
+ Đại diện phần vốn của (tên tổ chức là cổ đông Nhà nước/ cổ đông chiến	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

lược/ khác):	
+ Cá nhân sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
15. Cam kết nắm giữ (nếu có)	
16. Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:	16.1. Mỗi quan hệ : không, Tên cá nhân/ Tổ chức: không nắm giữ: 0 Cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
	16.2. Mỗi quan hệ : không, Tên cá nhân/ Tổ chức: 0 nắm giữ: 0 Cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ

17. Những khoản nợ đối với Công ty : không
18. Lợi ích liên quan đối với Công ty : không
19. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : không

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 01 năm 2019

Xác nhận của tổ chức đang làm việc hoặc xác nhận của Ủy ban nhân dân nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương



Tổng Giám Đốc
Bùi Đức Thông

NGƯỜI KHAI

Handwritten signature

Hà Thị Mỹ Duyên



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

*(Dùng cho ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị/Ban kiểm soát
Công ty cổ phần khoáng sản FECON)*

1. Họ và tên: **:LÊ THỊ ANH**
2. Giới tính: **:NỮ**
3. Ngày tháng năm sinh : **27/09/1986**
4. Nơi sinh: **:THANH HÓA**
5. Số CMND/hộ chiếu : **038186000863** , cấp ngày **20/04/2016** tại **CT CỤC CẢNH SÁT ĐKDL CU TRÚ VÀ DLQG VỀ DAN CU**
6. Quốc tịch: **: VIỆT NAM**
7. Dân tộc: **: KINH**
8. Địa chỉ thường trú: **: YÊN THỌ, YÊN ĐỊNH, THANH HÓA**
9. Số điện thoại Công ty : **02439742262** Số điện thoại di động: **0948 34 97 68**
10. Địa chỉ email : **anh.le@phanvu.com**
11. Trình độ chuyên môn: **:ĐẠI HỌC**
12. Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

Công ty TNHH bao bì Việt Long	Nhân viên	Kế toán
Công ty TNHH KD dược Thiên Thành	Nhân viên	Kế toán

13. Các chức vụ công tác hiện nay:	13.1. Chức vụ tại tổ chức niêm yết (ghi rõ tên và mã chứng khoán của tổ chức niêm yết):
	13.2. Chức vụ tại tổ chức khác (ghi rõ tên và mã chứng khoán của tổ chức khác (nếu có): Trưởng bộ phận Tài chính Kế toán tại Công ty Cổ phần Đầu tư Phan Vũ
14. Tổng số cổ phần nắm giữ (tại thời điểm ứng cử: 10/01/2019), trong đó:	0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
+ Đại diện phần vốn của (tên tổ chức là cổ đông Nhà nước/ cổ đông chiến lược/ khác):	----- cổ phần, chiếm% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	----- cổ phần, chiếm% vốn điều lệ

15. Cam kết nắm giữ (nếu có): Không	
16. Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: Không	16.1. Mỗi quan hệ :....., Tên cá nhân/ Tổ chức: nắm giữ: Cổ phần, chiếm % vốn điều lệ
	16.2. Mỗi quan hệ :....., Tên cá nhân/ Tổ chức: nắm giữ: Cổ phần, chiếm % vốn điều lệ

17. Những khoản nợ đối với Công ty : Không
18. Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
19. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2019.

NGƯỜI KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của tổ chức đang làm việc hoặc xác nhận của Ủy ban nhân dân nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương


PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Vũ Anh Tuấn



Lê Thị Anh

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 37



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON (gọi tắt là “Công ty”) được đổi tên từ Công ty Cổ phần Bê tông và Khoáng sản FECON, thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0700252549 ngày 03 tháng 09 năm 2007; đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 06/01/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0700252549 ngày 06/01/2015 là 410.000.000.000 đồng (Bốn trăm mười tỷ đồng).

Tên Công ty: **Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON**

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: FECON Mining Joint Stock Company, tên viết tắt FECON Mining.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh; Mã cổ phiếu: FCM.

Trụ sở chính của Công ty tại: cụm Công nghiệp Thi Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

Công ty con được hợp nhất gồm:

Công ty Cổ phần FECON Nghi Sơn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 22621000014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 03 tháng 6 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 23 tháng 9 năm 2015. Trong đó, Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON nắm giữ 5.150.000 cổ phần tương ứng 51.500.000.000 đồng (Năm một tỷ năm trăm triệu đồng), chiếm 51,5% vốn điều lệ.

Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON Hải Đăng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 11 tháng 01 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 09 tháng 12 năm 2015. Trong đó, Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON nắm giữ 4.950.000 cổ phần tương ứng 49.500.000.000 đồng (Bốn chín tỷ năm trăm triệu đồng), chiếm 55% vốn điều lệ. Đến ngày 30/6/2018 Công ty đã bán toàn bộ số cổ phần nắm giữ.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Hà Thế Phương	Chủ tịch
	Ông Hà Thế Lộng	Phó Chủ tịch
	Ông Nguyễn Chí Công	Thành viên
	Ông Phạm Trung Thành	Thành viên
	Ông Ngô Mạnh Quân	Thành viên độc lập

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Phạm Trung Thành	Giám đốc
	Ông Cao Văn Thái	Phó Giám đốc SX và Thiết bị
	Ông Lê Quang Trung	Phó Giám đốc kỹ thuật

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc



Phạm Trung Thành
Giám đốc

Hà Nam, ngày 24 tháng 01 năm 2019

15/01/2019

Số: 73/2019/BCKT-BCTCHN/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬPVề Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
của Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON, được lập ngày 24/01/2019 từ trang 05 đến trang 37 bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2018, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Phan Thanh Nam**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 02/2019/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2019 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2019

Nguyễn Ngọc Khánh**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2999-2019-137-1

121 2019 01 101

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		713.679.695.611	686.993.637.449
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	30.000.382.958	23.273.098.004
1. Tiền	111		21.000.382.958	19.273.098.004
2. Các khoản tương đương tiền	112		9.000.000.000	4.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	5.000.000.000	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		5.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		387.471.633.092	339.850.101.984
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	362.286.841.859	296.694.316.592
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	26.171.592.168	35.975.708.590
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	7.039.920.394	7.649.946.319
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	5.6	(8.026.721.329)	(469.869.517)
IV. Hàng tồn kho	140		277.302.441.227	309.161.324.429
1. Hàng tồn kho	141	5.7	277.302.441.227	309.161.324.429
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		13.905.238.334	14.709.113.032
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	13.515.226.214	12.623.198.343
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	1.733.241.673
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.15	390.012.120	352.673.016
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		221.289.629.470	350.185.905.064
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		533.916.012	500.156.261
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	533.916.012	500.156.261
II. Tài sản cố định	220		217.541.591.169	315.622.601.529
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	202.284.649.449	281.656.268.562
- Nguyên giá	222		492.548.006.650	550.003.469.616
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(290.263.357.201)	(268.347.201.054)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.10	9.786.271.646	11.908.333.118
- Nguyên giá	225		18.311.216.561	18.311.216.561
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(8.524.944.915)	(6.402.883.443)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	5.470.670.074	22.057.999.849
- Nguyên giá	228		7.153.776.109	26.365.773.610
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.683.106.035)	(4.307.773.761)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	27.266.407.396
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	-	27.266.407.396
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.214.122.289	6.796.739.878
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	3.103.622.289	6.666.739.878
5. Lợi thế thương mại	269		110.500.000	130.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		934.969.325.081	1.037.179.542.513

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 01 -DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		386.950.415.069	469.254.841.238
I. Nợ ngắn hạn	310		381.420.431.925	453.833.855.425
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	99.563.347.955	129.014.794.694
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	22.942.265.058	9.418.936.501
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	11.308.133.452	12.777.225.941
4. Phải trả người lao động	314		9.721.140.813	7.763.551.955
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	334.862.279	731.820.940
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		56.659.974	91.156.974
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	947.407.127	15.519.884.796
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	236.546.615.267	278.069.277.635
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		-	447.205.989
II. Nợ dài hạn	330		5.529.983.144	15.420.985.813
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.17	311.000.000	283.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.18	5.218.983.144	13.384.855.888
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	1.753.129.925
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		548.018.910.012	567.924.701.275
(400 = 410+430)				
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.19	548.018.910.012	567.924.701.275
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		410.000.000.000	410.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411</i>		<i>410.000.000.000</i>	<i>410.000.000.000</i>
	<i>a</i>			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(1.873.645.455)	(1.873.645.455)
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		946.684.088	946.684.088
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		16.340.424.976	13.313.197.939
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		71.418.023.744	59.039.248.579
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>35.363.533.384</i>	<i>25.305.955.147</i>
<i>- LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>36.054.490.360</i>	<i>33.733.293.432</i>
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		51.187.422.659	86.499.216.124
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		934.969.325.081	1.037.179.542.513
(440 = 300+400)				

Hà Nam, ngày 24 tháng 01 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Ngô Thị Thanh

Nguyễn Thị Thanh Vân

Phạm Trung Thành

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.20	886.132.002.365	779.250.457.923
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.21	1.945.309.977	330.951.117
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		884.186.692.388	778.919.506.806
4. Giá vốn hàng bán	11	5.22	763.389.559.873	620.369.305.982
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		120.797.132.515	158.550.200.824
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.23	544.575.297	538.048.325
7. Chi phí tài chính	22	5.24	24.164.050.778	20.730.698.717
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>19.439.309.659</i>	<i>20.540.473.546</i>
8. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	5.25	4.950.887.081	71.139.122.523
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.25	36.276.377.895	27.967.281.940
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		55.950.392.058	39.251.145.969
12. Thu nhập khác	31	5.26	3.566.147.428	1.133.203.505
13. Chi phí khác	32	5.26	11.348.696.295	314.031.746
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.26	(7.782.548.867)	819.171.759
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		48.167.843.191	40.070.317.728
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.27	13.208.542.607	8.044.917.430
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(1.753.129.925)	1.753.129.925
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		36.712.430.509	30.272.270.373
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	61		36.956.490.360	34.404.293.431
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(244.059.851)	(4.132.023.058)
20.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.28	879	694

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nam, ngày 24 tháng 01 năm 2019

Giám đốc






Ngô Thị Thanh

Nguyễn Thị Thanh Vân

Phạm Trung Thành

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		48.167.843.191	40.070.317.728
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		37.914.874.094	38.354.750.854
- Các khoản dự phòng	03		7.556.851.812	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(15.236.178)	40.536
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		14.455.908.359	(768.372.150)
- Chi phí lãi vay	06		19.439.309.659	20.540.473.546
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		127.519.550.937	98.197.210.514
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(70.975.015.106)	(38.449.037.354)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		12.416.677.200	(47.507.421.663)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		25.743.030.629	28.880.611.274
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.212.793.982)	(779.776.018)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(19.836.268.320)	(18.729.488.552)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(8.472.072.701)	(6.861.709.966)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(6.556.491.951)	(6.263.544.781)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		58.626.616.706	8.486.843.454
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(7.959.134.697)	(11.930.052.086)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		724.545.455	886.740.909
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(5.000.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		17.000.978.279	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		484.365.470	386.708.503
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		5.250.754.507	(10.656.602.674)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		603.106.790.221	527.609.783.033
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(636.271.778.366)	(497.354.616.844)
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(3.502.991.408)	(13.186.027.101)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(20.500.000.000)	(20.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(57.167.979.553)	(3.430.860.912)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		6.709.391.660	(5.600.620.132)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		23.273.098.004	28.873.758.672
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		17.893.294	(40.536)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		30.000.382.958	23.273.098.004

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nam, ngày 24 tháng 01 năm 2019

Giám đốc





Phạm Trung Thành

Ngô Thị Thanh

Nguyễn Thị Thanh Vân

M: /
 C: /
 T: /
 K: /
 H: /

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON (gọi tắt là “Công ty”) đổi tên từ Công ty Cổ phần Bê tông và Khoáng sản FECON, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0700252549 ngày 03 tháng 09 năm 2007; đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 06 tháng 01 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0700252549 ngày 06/01/2015 là 410.000.000.000 đồng (Bốn trăm mười tỷ nghìn đồng).

Tên Công ty: **Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON**

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: FECON Mining Joint Stock Comany, tên viết tắt: FECON Mining.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh; Mã cổ phiếu: FCM.

Trụ sở chính của Công ty tại: Cụm Công nghiệp Thi Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

Số lao động bình quân trong năm: 289 người (Năm 2017: 295 người)

Công ty con được hợp nhất

Công ty Cổ phần FECON Nghi Sơn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 22621000014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 03 tháng 6 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 23 tháng 9 năm 2015. Trong đó, Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON nắm giữ 5.150.000 cổ phần tương ứng 51.500.000.000 đồng (Năm một tỷ năm trăm triệu đồng), chiếm 51,5% vốn điều lệ.

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: FECON NGHI SON JOINT-STOCK COMPANY.

Vốn điều lệ : 100.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 274 Tổng Duy Tân, phường Ba Đình, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Ngành nghề kinh doanh chính trong năm: nghiên cứu, sản xuất và thương mại.

Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON Hải Đăng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 2801128982 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 11 tháng 01 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 09 tháng 12 năm 2015. Trong đó, Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON nắm giữ 4.950.000 cổ phần tương ứng 49.500.000.000 đồng (Bốn chín tỷ năm trăm triệu đồng), chiếm 55% vốn điều lệ.

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: FECON Hải Đăng Mineral Joint Stock Company.

Vốn điều lệ : 90.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại: thôn Tam Sơn, xã Tân Trường, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.

Ngành nghề kinh doanh chính trong năm: Khai thác đá loăng.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON và Công ty các con gồm: Công ty Cổ phần FECON Nghi Sơn và Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON Hải Đăng. Đến ngày 30/6/2018 Công ty đã bán toàn bộ số cổ phần nắm giữ tại Công ty Cổ phần FECON Hải Đăng.

1.2 Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành; Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác quặng kim loại quý hiếm; Khai thác đá, cát sỏi, đất sét;
- Thi công xây dựng: Nền móng và công trình ngầm phục vụ xây dựng nhà cao tầng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật thủ công nghiệp đô thị; Thí nghiệm cọc công nghệ cao;
- Khảo sát địa chất công trình, khảo sát địa hình, khảo sát địa chất, thủy văn công trình;
- Thực hiện các thí nghiệm địa kỹ thuật phục vụ khảo sát thiết kế, quản lý chất lượng, quan trắc trong thi công nền móng và công trình ngầm;
- Sản xuất và buôn bán các loại cấu kiện bê tông cốt thép, thép, phục vụ xây dựng nền móng và công trình ngầm, Sản xuất và buôn bán vật liệu xây dựng;
- Ứng dụng và chuyển giao công nghệ xây dựng nền móng và công trình ngầm mới vào thực tế xây dựng tại Việt Nam;
- Buôn bán: Vật tư, vật liệu, thiết bị công nghiệp thuộc hai lĩnh vực xây dựng và công nghiệp;
- Xây dựng công trình: dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; Dịch vụ kho vận;
- Tư vấn, môi giới bất động sản; Kinh doanh khách sạn, văn phòng;
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Sản xuất bê tông thành phẩm các loại.

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2018, Công ty có các Công ty con như sau:

	Hoạt động chính	Trụ sở Công ty	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty con				
Công ty CP FECON Nghi Sơn	Sản xuất bê tông	Số 274 Tổng Duy Tân, phường Ba Đình, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	51,5%	51,5%

1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC và thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất kết thúc năm tài chính là có thể so sánh được.

2. NĂM TÀI CHÍNH/KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Năm tài chính/Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất năm kèm theo được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung và ghi sổ bằng máy vi tính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất gồm Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.



4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất (Tiếp theo)**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON, các Công ty con của Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON là Công ty Cổ phần FECON Nghi Sơn và Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON Hải Đăng (Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018)

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toánĐối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh.

Đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất

- (i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại ngày 31/12/2018.
- (ii) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại ngày 31/12/2018.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Thời điểm	Ngân hàng	Tỷ giá mua vào	Tỷ giá bán ra
31/12/2018	Ngân hàng Thương mại CP Ngoại thương Việt Nam	23.155 VND/USD	23.245 VND/USD
31/12/2018	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	23.150 VND/USD	23.340 VND/USD

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình, vô hình và thuê tài chính

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình, vô hình và thuê tài chính (Tiếp theo)

Tài sản cố định thuê tài chính

Một tài sản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tài sản cố định vô hình

- Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình, vô hình và thuê tài chính (Tiếp)

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2018
	(Số năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	08 - 20
Máy móc, thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải	06 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 10

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn. Cụ thể máy móc thiết bị và phương tiện vận tải thời gian khấu hao 30 tháng. Các tài sản Công ty thuê tài chính đều có cam kết mua lại khi hết thời hạn thuê.

Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính. Giá trị Quyền sử dụng đất được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng đất còn lại tính từ thời điểm sử dụng đất (49 năm). Phần mềm máy tính được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 4 năm. Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, khấu hao được thể hiện theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 2 đến 3 năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ;
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Chi phí phải trả bao gồm chi phí lãi vay phải trả và chi phí vận chuyển cọc.

TH
T
H
D
T
H

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Chiết khấu thương mại: là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Lỗ đầu tư chứng khoán : Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.

- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng hoạt động chính của Công ty là sản xuất bê tông thành phẩm các loại, hoạt động cung cấp dịch vụ chiếm tỷ trọng rất nhỏ, không có bộ phận cung cấp dịch vụ chuyên trách, riêng biệt. Vì vậy, Công ty không lập Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Tiền mặt	1.374.495.760	3.679.113.830
Tiền gửi ngân hàng	19.625.887.198	15.593.984.174
Các khoản tương đương tiền	9.000.000.000	4.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng (*)	9.000.000.000	4.000.000.000
Tổng	30.000.382.958	23.273.098.004

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

5.2 Đầu tư tài chính ngắn hạn*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-

5.3 Phải thu của khách hàng

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Ngắn hạn	362.286.841.859	296.694.316.592
Công ty Cổ phần FECON	186.838.066.937	153.298.832.181
Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ Thương mại Hiệu Thắng	24.111.744.992	24.017.117.918
Phải thu các đối tượng khác	151.337.029.930	119.378.366.493
Trong đó phải thu các bên liên quan	206.925.236.003	164.715.040.279
Công ty Cổ phần FECON	186.838.066.937	153.298.832.181
Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON Hải Đăng	12.234.824.431	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng FECON (FCI)	1.650.565.379	1.650.565.379
Công ty Cổ phần FECON SOUTH	6.201.779.256	9.765.642.719
Dài hạn	-	-
Tổng	362.286.841.859	296.694.316.592

5.4 Trả trước người bán ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON Hải Đăng	14.200.603.813	-
Công ty Cổ phần FECON	-	27.678.358.465
Đối tượng khác	11.970.988.355	8.297.350.125
<i>Trong đó trả trước các bên liên quan</i>		
Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON Hải Đăng	14.200.603.813	-
Công ty Cổ phần FECON	-	27.678.358.465
Tổng	26.171.592.168	35.975.708.590

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON

Bảo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

5.5 Phải thu khác*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Phải thu ngắn hạn khác	7.039.920.394	-	7.649.946.319	-
- Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON Hải Đăng	1.684.500.000	-	3.073.537.322	-
- Chi phí giải phóng mặt bằng Khu DV và TM Ngũ Động Sơn (*) Công Ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN	2.518.051.951	-	-	-
Tạm ứng	221.373.437	-	276.716.122	-
Tạm ứng	2.183.331.672	-	2.507.495.740	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	965.254.972	-
Phải thu khác	432.663.334	-	826.942.163	-
Dài hạn	533.916.012	-	500.156.261	-
Ký quỹ, ký cược dài hạn	533.916.012	-	500.156.261	-
Tổng	7.573.836.406	-	8.150.102.580	-

(*) Chi phí san lấp tạo mặt bằng 5.170 m² đất tại Cụm Công nghiệp Thi Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, Hà Nam để làm khu thương mại dịch vụ, đến nay Công ty không còn nhu cầu sử dụng xin trả lại nhà nước và đã được chấp thuận theo Quyết định số 1556/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hà Nam ngày 21/9/2017 về việc thu hồi khu đất trên.

5.6 Nợ xấu*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	15.152.121.941	7.125.400.612	469.869.517	-
<i>Trong đó:</i>	Quá hạn 6 tháng đến 12 tháng	Quá hạn 01 năm đến 02 năm	Quá hạn 02 năm đến 03 năm	Quá hạn trên 3 năm
Công ty CP Licogi 16.5	-	-	-	469.869.517
Công ty TNHH Vận tải Trường Phát	-	-	-	97.403.200
Công ty TNHH MTV Xây dựng - cơ khí THT	-	-	-	334.048.000
Công ty Cổ phần Xi măng Xuân Thành	-	2.950.662.880	-	-
Tổng Công ty Khoáng sản xây dựng dầu khí Nghệ An	-	2.509.709.251	-	-
Công ty Cổ phần THQ TECHFO	-	3.067.200.000	-	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng FECON (FCI)	-	1.650.565.379	-	-
Công ty Cổ phần FECON SOUTH	-	1.472.154.000	-	-
Các đối tượng khác	-	2.600.509.714	-	-
Tổng	-	14.250.801.224	-	901.320.717

4: C
 CÔNG
 TẬP
 TIỀN
 ÁI
 37

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON

Bảo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

5.7 Hàng tồn kho*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	50.031.509.339	-	104.352.164.211	-
Công cụ, dụng cụ	9.634.446.605	-	14.134.531.460	-
Chi phí Sản xuất kinh doanh dở dang	34.431.905.748	-	5.822.955.893	-
Thành phẩm	174.292.648.969	-	163.806.848.078	-
Hàng hóa	8.911.930.566	-	21.044.824.787	-
Tổng	277.302.441.227	-	309.161.324.429	-

5.8 Chi phí trả trước

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Ngắn hạn	13.515.226.214	12.623.198.343
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.003.119.102	495.315.161
Chi phí sửa chữa, cải tạo nâng cấp	-	315.909.909
Các chi phí khác chờ phân bổ	490.843.919	942.435.609
Chi phí vận chuyển	12.021.263.193	10.869.537.664
Dài hạn	3.103.622.289	6.666.739.878
Chi phí công cụ, dụng cụ	14.096.928	1.647.784.346
Chi phí tư vấn	771.507.120	935.490.420
Chi phí đền bù, GPMB đường vận tải	-	2.546.158.193
Chi phí sửa chữa, cải tạo	2.318.018.241	871.213.183
Chi phí khác	-	666.093.736
Tổng	16.618.848.503	19.289.938.221

07/1
3 T
HT
TO
ETI
N

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON

B Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.9 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
Số dư tại 01/01/2018	183.706.995.324	273.606.045.481	90.252.531.879	965.843.922	1.472.053.010	550.003.469.616
Tăng trong năm	14.022.538.591	5.218.032.870	2.149.563.635	40.000.000	-	21.430.135.096
Xây dựng cơ bản hoàn thành	14.022.538.591	-	-	-	-	14.022.538.591
Mua sắm tài sản	-	5.218.032.870	2.149.563.635	40.000.000	-	7.407.596.505
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	37.318.066.307	29.619.141.704	11.201.316.173	565.767.694	181.306.184	78.885.598.062
Điều chỉnh giảm do tháo dỡ	12.269.008.235	-	-	-	-	12.269.008.235
Điều chỉnh do thanh lý công ty con	25.049.058.072	29.619.141.704	9.436.043.448	565.767.694	181.306.184	64.851.317.102
Thanh lý	-	-	1.765.272.725	-	-	1.765.272.725
Số dư tại 31/12/2018	160.411.467.608	249.204.936.647	81.200.779.341	440.076.228	1.290.746.826	492.548.006.650
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2018	67.998.491.284	152.015.067.814	46.589.710.942	521.560.397	1.222.370.617	268.347.201.054
Tăng trong năm	11.877.776.696	16.593.290.992	6.331.687.728	60.648.460	81.163.858	34.944.567.734
Khấu hao trong năm	11.877.776.696	16.593.290.992	6.331.687.728	60.648.460	81.163.858	34.944.567.734
Giảm trong năm	4.340.100.400	4.694.802.757	3.713.341.540	212.103.869	68.063.021	13.028.411.587
Điều chỉnh giảm do tháo dỡ	1.229.799.377	-	-	-	-	1.229.799.377
Thanh lý	-	-	1.765.272.725	-	-	1.765.272.725
Điều chỉnh do thanh lý công ty con	3.110.301.023	4.694.802.757	1.948.068.815	212.103.869	68.063.021	10.033.339.485
Số dư tại 31/12/2018	75.536.167.580	163.913.556.049	49.208.057.130	370.104.988	1.235.471.454	290.263.357.201
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2018	115.708.504.040	121.590.977.667	43.662.820.937	444.283.525	249.682.393	281.656.268.562
Tại 31/12/2018	84.875.300.028	85.291.380.598	31.992.722.211	69.971.240	55.275.372	202.284.649.449

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay 134.177.360.076 đồng (năm 2017: 163.262.431.065 đồng).
 Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 83.478.619.772 đồng (năm 2017: 69.700.699.196 đồng).



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.10 Tài sản thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2018	8.696.152.924	9.615.063.637	18.311.216.561
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2018	<u>8.696.152.924</u>	<u>9.615.063.637</u>	<u>18.311.216.561</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2018	4.157.386.832	2.245.496.611	6.402.883.443
Tăng trong năm	506.217.516	1.615.843.956	2.122.061.472
Khấu hao trong năm	506.217.516	1.615.843.956	2.122.061.472
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2018	<u>4.663.604.348</u>	<u>3.861.340.567</u>	<u>8.524.944.915</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2018	<u>4.538.766.092</u>	<u>7.369.567.026</u>	<u>11.908.333.118</u>
Tại 31/12/2018	<u>4.032.548.576</u>	<u>5.753.723.070</u>	<u>9.786.271.646</u>

5.11 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Quyền khai thác	Giấy phép và giấy phép nhượng quyền	Phần mềm máy tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2018	6.722.430.109	14.692.139.600	4.519.857.901	431.346.000	26.365.773.610
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	14.692.139.600	4.519.857.901	-	19.211.997.501
Điều chỉnh do thanh lý công ty con		14.692.139.600	4.519.857.901		19.211.997.501
Số dư tại 31/12/2018	<u>6.722.430.109</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>431.346.000</u>	<u>7.153.776.109</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2018	1.158.283.733	2.840.207.340	-	309.282.688	4.307.773.761
Tăng trong năm	174.450.288	632.705.274	-	41.089.326	848.244.888
Khấu hao trong năm	174.450.288	632.705.274	-	41.089.326	848.244.888
Giảm trong năm	-	3.472.912.614	-	-	3.472.912.614
Điều chỉnh do thanh lý công ty con	-	3.472.912.614	-	-	3.472.912.614
Số dư tại 31/12/2018	<u>1.332.734.021</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>350.372.014</u>	<u>1.683.106.035</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2018	<u>5.564.146.376</u>	<u>11.851.932.260</u>	<u>4.519.857.901</u>	<u>122.063.312</u>	<u>22.057.999.849</u>
Tại 31/12/2018	<u>5.389.696.088</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>80.973.986</u>	<u>5.470.670.074</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
Mở rộng nhà máy về phía đông	-	6.479.524.397
Khu DV và TM Ngũ Động Sơn	-	2.518.051.951
Đường nội bộ	-	3.356.870.518
Dự án đường nội bộ mỏ	-	9.141.019.032
Dự án lắp đặt dây chuyền 2	-	3.963.740.308
Dự án mở đường và san lấp bãi chứa	-	690.647.657
Chi phí công trình khác	-	1.116.553.533
	-	27.266.407.396

5.13 Phải trả người bán*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	99.563.347.955	99.563.347.955	129.014.794.694	129.014.794.694
Công ty TNHH Trường Hải	26.060.429.317	26.060.429.317	26.072.787.194	26.072.787.194
Công ty TNHH Ngọc Mai	-	-	-	-
Công ty Cổ phần FECON	1.510.330.816	1.510.330.816	510.849.218	510.849.218
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Nam	6.495.161.405	6.495.161.405	7.043.646.210	7.043.646.210
Phải trả người bán ngắn hạn khác	65.497.426.418	65.497.426.418	95.387.512.072	95.387.512.072
<u>Trong đó phải trả các bên liên quan</u>				
Công ty Cổ phần FECON	1.510.330.816	1.510.330.816	510.849.218	510.849.218
Công ty Cổ phần FECON Miltec	-	-	1.857.116.250	1.857.116.250
b. Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	99.563.347.955	99.563.347.955	129.014.794.694	129.014.794.694

5.14 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công ty TNHH Ngọc Mai		984.794.476
Công ty Cổ phần Hoa sen Yên Bái	2.145.000.000	2.145.000.000
Công ty Cổ phần CASABLANCA Việt Nam	-	2.793.562.200
Công ty TNHH Phát triển dự án toàn cầu	-	1.038.474.000
Công ty Cổ phần đầu tư HICON	2.409.244.250	-
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Lạc Hồng Phúc	10.150.000.000	-
Đối tượng khác	8.238.020.808	2.457.105.825
Tổng	22.942.265.058	9.418.936.501

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON

Bảo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.15 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2018	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Điều chỉnh giảm (*)	31/12/2018
Phải nộp	12.777.225.941	40.647.883.819	34.644.042.123	7.472.934.185	11.308.133.452
Thuế giá trị gia tăng	2.856.944.081	24.794.645.654	23.980.627.722	-	3.670.962.013
Thuế XNK	-	98.028.194	98.028.194	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.594.145.701	13.208.542.607	8.472.072.701	-	7.330.615.607
Thuế thu nhập cá nhân	405.319.163	1.081.914.913	1.103.349.336	77.703.308	306.181.432
Thuế tài nguyên	43.649.616	545.027.458	588.302.674	-	374.400
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	158.320.876	-	34.674.882	123.645.994	-
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	249.600	125.311.200	125.560.800	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	6.718.596.904	794.413.793	241.425.814	7.271.584.883	-
Phải thu	352.673.016	5.707.584	590.220.737	547.174.049	390.012.120
Thuế XNK	29.430.669	-	-	-	29.430.669
Thuế tài nguyên	-	-	318.631.096	318.631.096	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	35.672.400	5.707.584	43.046.688	-	73.011.504
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	-	-	228.542.953	228.542.953	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	287.569.947	-	-	-	287.569.947

(*) Điều chỉnh giảm do loại bỏ hợp nhất Công ty con trong kỳ

5.16 Chi phí phải trả

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Ngắn hạn	334.862.279	731.820.940
Lãi vay phải trả	334.862.279	731.820.940
Dài hạn	-	-
Tổng	334.862.279	731.820.940

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.17 Phải trả khác

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Ngắn hạn	947.407.127	15.519.884.796
Kinh phí công đoàn	557.545.543	391.965.743
Bảo hiểm xã hội	1.305.198	92.029.909
Bảo hiểm y tế	-	12.682.475
Bảo hiểm thất nghiệp	-	5.661.906
Công ty CP Hạ tầng FECON	-	1.607.504.166
Hà Cửu Long	-	12.343.586.937
Phải trả, phải nộp khác	388.556.386	1.066.453.660
<u>Trong đó phải trả các bên liên quan</u>		
Công ty CP Hạ tầng FECON	-	1.607.504.166
Dài hạn	311.000.000	283.000.000
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	311.000.000	283.000.000
Tổng	1.258.407.127	15.802.884.796

21
41
70
IT

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.18 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

*Vay ngắn hạn

- (1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/1824665/HĐTDHM ngày 28 tháng 08 năm 2018 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đô. Hạn mức cấp tín dụng: 80.000.000.000 VND (Tám mươi tỷ đồng). Thời hạn cấp: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất: Thả nổi có điều chỉnh theo thời kỳ và được quy định theo từng lần giải ngân. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C.
- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/5685790/HĐTD được ký ngày 01 tháng 10 năm 2018 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đô giữa Công ty TNHH cơ khí chế tạo và bê tông FECON Nghi Sơn và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Hạn mức cấp tín dụng là: 25.000.000.000 (Bằng chữ: Hai mươi năm tỷ đồng). Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn: 12 tháng kể từ ngày ký nhưng không vượt quá ngày 31/12/2019. Lãi suất thả nổi có điều chỉnh theo từng hợp đồng vay cụ thể cho từng lần vay. Biện pháp bảo đảm: Các hợp đồng thế chấp, cầm cố, ký quỹ, bảo lãnh của Bên vay/Bên thứ ba có phạm vi bảo đảm.
- (2) Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 8715064/2018/HĐTD ký ngày 19/09/2018 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nghi Sơn với Công ty TNHH Cơ khí chế tạo và Bê tông FECON Nghi Sơn. Hạn mức tín dụng: 15.000.000.000 (15 tỷ đồng chẵn). Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng hoặc thời gian thị thực của ông Zhang Quiao Sen hết hiệu lực tùy vào điều kiện nào đến sớm hơn. Lãi suất: Thả nổi điều chỉnh quy định theo từng giấy nhận nợ. Biện pháp bảo đảm: Hai đầu kéo, hai Somi Romóc quy định trong hợp đồng; Máy ly tâm YGL14 và các tài sản bảo đảm bổ sung có tham chiếu đến hợp đồng này.
- (3) Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2017-HĐTD/NHCT384-FECON ký ngày 08/12/2017 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam với Công ty Cổ phần khoáng sản FECON. Hạn mức cho vay: 50.000.000.000 đồng (năm mươi tỷ đồng). Mục đích: Thanh toán các chi phí sản xuất và mua cọc bê tông dự ứng lực. Thời hạn hợp đồng: Đến hết ngày 31/10/2018. Lãi suất cho vay: Lãi suất theo từng lần cho vay được quy định trên từng giấy nhận nợ. Biện pháp bảo đảm: Bên vay bảo đảm bằng một phần Tài sản; Tài sản được quy định trong Hợp đồng thế chấp số 01/2014/HĐTCDŞ ngày 05/11/2014 và các văn bản sử đổi bổ sung kèm theo; Hợp đồng thế chấp quyền tài sản phát sinh từ quyền đòi nợ số 01/2016-HĐTC ngày 30/09/2016.
- (4) Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay theo hạn mức số HKI-HĐCTD/17094 ký ngày 23/11/2017 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm với Công ty Cổ phần khoáng sản FECON. Hợp đồng sửa đổi, bổ sung ký ngày 14 tháng 12 năm 2018. Hạn cấp tín dụng: 60.000.000.000 đồng (sáu mươi tỷ đồng chẵn). Thời hạn: Duy trì hạn mức cho vay đến hết ngày 09/03/2018. Lãi suất: Theo từng hợp đồng vay cụ thể theo từng thời kỳ. Mục đích vay: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Biện pháp bảo đảm: Tài khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Vietcombank Hoàn Kiếm theo HĐ cầm cố số HKI-HĐCC/15001 ngày 07/01/2015; 05 xe ô tô đầu kéo rơ-moóc theo HĐ thế chấp số HKI-HĐTC/10108 ngày 07/12/2010 và HĐ thế chấp số HKI-HĐTC/10131 ngày 05/01/2011; Toàn bộ tài sản hình thành theo HĐ thế chấp bất động sản số 11076/HĐTC/VCB-PVC-FECON ngày 15/03/2012; Toàn bộ tài sản hình thành theo HĐ thế chấp động sản số 11077/HĐTC/VCB-PVC-FECON ngày 06/03/2012; Tài sản là dây chuyền gia công mặt bích và khuôn sản xuất cọc hình thành theo HĐ thế chấp số HKI-HĐTC/13135 ngày 30/09/2013; Tài sản là dây chuyền sản xuất cát nhân tạo theo HĐ thế chấp HKI-HĐTC/13168 ngày 25/12/2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.18 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(5) Hợp đồng cấp tín dụng số 15992.18.770.2149176.TD ngày 28/05/2018 giữa Công ty Cổ phần khoáng sản FECON với Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Hà Nam. Hạn mức tín dụng: 70.000.000.000 (bảy mươi tỷ đồng). Thời hạn: Từ ngày ký hợp đồng đến ngày 24/04/2019. Lãi suất: Thả nổi có điều chỉnh theo từng thời kỳ, được ghi rõ trong từng giấy nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Biện pháp bảo đảm: Quyền đòi nợ luân chuyển/quyền đòi nợ hình thành từ phương án MB tài trợ giữa khách hàng và công ty CP FECON; Máy móc thiết bị, chi tiết tại hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 66282.16.770.2149176.BĐ ngày 06/10/2016 và HĐ thế chấp máy móc thiết bị số 66334.16.770.2149176.BĐ ngày 06/10/2016; Tiền ký quỹ tại MB/HĐ tiền gửi/thẻ tiết kiệm/giấy tờ có giá do MB phát hành/trái phiếu chính phủ/tín phiếu kho bạc/giấy tờ có giá tại các tổ chức tín dụng khác.

Hợp đồng hạn cấp tín dụng số 40825.18.770.3662892.ID ký ngày 20 tháng 11 năm 2018 giữa Công ty TNHH Cơ khí chế tạo và bê tông Fecon Nghi Sơn và Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Hà Nam. Hạn mức cấp tín dụng: 45.000.000.000 (Bốn mươi năm tỷ đồng). Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời gian vay: kể từ ngày ký HĐ đến ngày 05/11/2019. Lãi suất: thả nổi có điều chỉnh theo từng giấy nhận nợ. Tài sản thế chấp: Máy móc thiết bị theo HĐ thế chấp MMTB số 30169.17.770.3662892 ngày 12/12/2017, khoản phải thu luân chuyển giữa khách hàng với Công ty CP Khoáng sản FECON; dư nợ, bảo lãnh thanh toán.

(6) Hợp đồng cấp tín dụng số 235/17/HĐCTD/NQ71 ký ngày 23/11/2017 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh Hà Nam với Công ty Cổ phần khoáng sản FECON. Hạn mức tín dụng: 60.000.000.000 đồng (sáu mươi tỷ đồng chẵn). Thời hạn hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng này có hiệu lực. Mục đích vay: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất: thả nổi có điều chỉnh theo từng lần giải ngân. Biện pháp bảo đảm: Tài sản được quy định theo HĐ thế chấp động sản số 11076/HĐTC/VCB-PVC-FECON ngày 15/03/2012; Tài sản được quy định trong hợp đồng thế chấp động sản số 1107/HĐTC/VCB-PVC-FECON ngày 06/03/2012; Tài sản theo Hợp đồng thế chấp số HKI-HĐTC/10131 ngày 05/01/2011 và HKI-HĐTC/10108 ngày 07/12/2010; Tài sản là dây chuyền gia công mặt bích, khuôn, phụ kiện theo HĐ thế chấp số HKI-HĐTC/13135 ngày 30/09/2013. Tài sản là Dây chuyền sản xuất cát nhân tạo theo HĐ thế chấp số HKI-HĐTC/13168 ngày 25/12/2013; Tài sản là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Vietcombank Hoàn kiểm theo HĐ cầm có HKI-HĐCC/15001 ngày 07/01/2015.

(7) Hợp đồng số 068DN020418.HĐTD.2018 được ký ngày 30/03/2018 giữa Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam với Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON. Hạn mức tín dụng: 50.000.000.000 đồng (năm mươi tỷ đồng chẵn). Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất: Cho vay thả nổi, được xác định theo từng lần giải ngân. Biện pháp bảo đảm: Quyền phải thu/ quyền đòi nợ phát sinh theo Hợp đồng đầu ra cụ thể có tài khoản thanh toán duy nhất tại VIB cùng với bản chính giấy tờ sở hữu, sử dụng tài sản bảo đảm bằng cách ký kết các hợp đồng bảo đảm.

*Vay dài hạn

(8) Hợp đồng tín dụng số 95387.16.770.2419176.TD ngày 29/12/2016 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hà Nam; Hạn mức 4.419.800.000 VND; Lãi suất thả nổi; Thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Mục đích vay: tài trợ trung hạn thanh toán tiền mua ô tô đầu kéo và somi rơ moóc.

Hợp đồng tín dụng số 22504.18.770.2419176.TD ngày 28/06/2018 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hà Nam; Giá trị cho vay 1.260.000.000 VND; Lãi suất thả nổi; Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Mục đích vay: tài trợ trung hạn thanh toán tiền mua Somi rơ moóc.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.18 Vay và nợ thuế tài chính (Tiếp theo)*** Nợ thuế tài chính**

(8) Hợp đồng cho thuê tài chính số 25.15.06/CTTC ngày 02 tháng 06 năm 2015 giữa Công ty và Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Lãi suất cho thuê được điều chỉnh 06 tháng/01 lần. Lãi suất tại thời điểm giải ngân, lãi suất cho thuê được tính bằng lãi suất cơ bản đồng VND do Công ty TNHH cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm đó cộng biên độ 2,4%/năm. Mục đích: Cho thuê xe ô tô đầu kéo và somi rơ moóc. Thời hạn 48 tháng.

Hợp đồng cho thuê tài chính số 25.15.08/CTTC ngày 21/10/2015; mục đích sử dụng tài sản: phục vụ hoạt động sản xuất; thời hạn thuê 48 tháng; lãi bằng lãi suất cơ bản đồng Việt Nam do Công ty cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam công bố cộng biên độ 2,4%/năm, lãi suất điều chỉnh 6 tháng/lần, lãi quá hạn 150%; Công ty được mua lại tài sản thanh toán hết hợp đồng thuê tài chính với giá 8.000.000 đồng.

Hợp đồng cho thuê tài chính số 25.15.07/CTTC ngày 10/9/2015; mục đích sử dụng tài sản: phục vụ hoạt động sản xuất; thời hạn thuê 48 tháng; lãi bằng lãi suất cơ bản đồng Việt Nam do Công ty cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam công bố cộng biên độ 2,4%/năm, lãi suất điều chỉnh 6 tháng/lần, lãi quá hạn 150%; Công ty được mua lại tài sản thanh toán hết hợp đồng thuê tài chính với giá 9.000.000 đồng.

Đơn vị tính: VND

Thời hạn	Năm 2018		Năm 2017	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế
b. Nợ thuế tài chính				
<i>Từ 01 năm trở xuống</i>	-	-	-	-
<i>Trên 1 năm đến 5 năm</i>	3.932.175.243	429.183.835	15.534.241.129	2.348.214.028
Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	3.932.175.243	429.183.835	15.534.241.129	2.348.214.028
Tổng	3.932.175.243	429.183.835	15.534.241.129	2.348.214.028
				13.186.027.101

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.19 Vốn chủ sở hữu**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại 01/01/2017	410.000.000.000	(1.873.645.455)	946.684.088	10.608.726.007	53.144.029.363	90.631.239.182	563.457.033.185
Lãi trong năm này	-	-	-	-	34.404.293.432	(4.132.023.058)	30.272.270.374
Chia cổ tức 2016	-	-	-	-	(20.500.000.000)	-	(20.500.000.000)
Trích lập các quỹ 2016	-	-	-	2.704.471.932	(7.302.074.216)	-	(4.597.602.284)
Thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	-	(707.000.000)	-	(707.000.000)
Số dư tại 31/12/2017	410.000.000.000	(1.873.645.455)	946.684.088	13.313.197.939	59.039.248.579	86.499.216.124	567.924.701.275
Số dư tại 01/01/2018	410.000.000.000	(1.873.645.455)	946.684.088	13.313.197.939	59.039.248.579	86.499.216.124	567.924.701.275
Lãi trong năm	-	-	-	-	36.956.490.360	(244.059.851)	36.712.430.509
Chia cổ tức 2017	-	-	-	-	(20.500.000.000)	-	(20.500.000.000)
Phân phối lợi nhuận (2017)	-	-	-	3.027.227.037	(8.173.512.999)	-	(5.146.285.962)
Thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	-	(963.000.000)	-	(963.000.000)
Điều chỉnh giảm do thanh lý công ty con	-	-	-	-	-	(29.977.773.778)	(29.977.773.778)
Truy thu thuế 2017	-	-	-	-	(16.048.446)	(15.113.586)	(31.162.032)
Điều chỉnh giảm LICĐKK do thanh lý công ty con	-	-	-	-	5.074.846.250	(5.074.846.250)	-
Số dư tại 31/12/2018	410.000.000.000	(1.873.645.455)	946.684.088	16.340.424.976	71.418.023.744	51.187.422.659	548.018.910.012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.19 **Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. **Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công ty Cổ phần FECON	44.914.940.000	147.600.000.000
Công ty Cổ phần đầu tư Phan Vũ	209.100.000.000	-
Vốn góp của đối tượng khác	155.985.060.000	262.400.000.000
Tổng	410.000.000.000	410.000.000.000

c. **Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	410.000.000.000	410.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	410.000.000.000	410.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	20.500.000.000	20.500.000.000
Phân phối các quỹ	8.173.512.999	7.302.074.216

d. **Cổ phiếu**

	31/12/2018	01/01/2018
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	41.000.000	41.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	41.000.000	41.000.000
Cổ phiếu phổ thông	41.000.000	41.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	41.000.000	41.000.000
Cổ phiếu phổ thông	41.000.000	41.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (Đồng/Cổ phiếu)	10.000	10.000

5.20 **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	863.359.603.042	776.574.135.823
Doanh thu cung cấp dịch vụ	22.772.399.323	2.676.322.100
Tổng	886.132.002.365	779.250.457.923

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.21 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Hàng bán bị trả lại	908.696.658	330.951.117
Giảm giá hàng bán	1.036.613.319	-
Tổng	1.945.309.977	330.951.117

5.22 Giá vốn hàng bán

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn hàng hóa thành phẩm, hàng hóa	742.869.863.122	616.206.690.340
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	20.519.696.751	4.162.615.642
Tổng	763.389.559.873	620.369.305.982

5.23 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	484.365.470	386.708.503
Lãi chênh lệch tỷ giá	42.102.533	151.339.822
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	18.107.294	-
Tổng	544.575.297	538.048.325

5.24 Chi phí tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền vay	19.439.309.659	20.540.473.546
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	4.625.610.426	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	95.032.580	148.120.527
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.871.116	41.954.439
Chi phí hoạt động tài chính khác	1.226.997	150.205
Tổng	24.164.050.778	20.730.698.717

5.25 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí bán hàng	4.950.887.081	71.139.122.523
Chi phí nhân viên	1.624.742.695	3.283.363.166
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	529.585.394	3.861.675.693
Chi phí dùng cụ, đồ dùng	198.154.063	110.212.812
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.226.219.348	2.669.179.563
Chi phí dịch vụ mua ngoài	437.721.525	57.391.911.394
- Chi phí vận chuyển	-	57.341.576.862
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	437.721.525	50.334.532
Chi phí bằng tiền khác	934.464.056	3.822.779.895
Chi phí quản lý	36.276.377.895	27.967.281.940
Chi phí nhân viên quản lý	16.874.756.102	13.220.372.241
Chi phí vật liệu quản lý	449.392.048	726.471.020
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.416.699.508	1.368.243.367
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.804.008.857	2.659.831.952
Thuế phí và lệ phí	357.965.978	361.732.311
Chi phí dự phòng	7.556.851.812	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.804.887.095	1.536.666.680
Chi phí bằng tiền khác	3.992.316.495	8.074.464.369
Lợi thế thương mại	19.500.000	19.500.000
Tổng	41.227.264.976	99.106.404.463

5.26 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý tài sản	724.545.455	381.663.647
Bán vật tư, CCDC, phế liệu, cọc lỗi	2.698.518.826	59.076.364
Các khoản khác	143.083.147	692.463.494
Tổng	3.566.147.428	1.133.203.505
Chi phí khác		
Điều chỉnh giảm giá trị còn lại của tài sản không còn hiện hữu	11.039.208.858	-
Chi phí khác	309.487.437	314.031.746
Tổng	11.348.696.295	314.031.746
Lợi nhuận khác	(7.782.548.867)	819.171.759



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.27 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	13.208.542.607	8.044.917.430
Tổng	13.208.542.607	8.044.917.430

5.28 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	36.712.430.509	30.272.270.373
Lợi ích của cổ đông thiểu số	(244.059.851)	(4.132.023.058)
Các khoản điều chỉnh tăng		
Các khoản điều chỉnh giảm	902.000.000	5.930.334.408
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông Công ty Mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	36.054.490.360	28.473.959.023
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (Cổ phiếu)	41.000.000	41.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	879	694

5.29 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	551.799.041.740	440.238.805.381
Chi phí nhân công	76.291.819.074	68.301.560.807
Chi phí khấu hao tài sản cố định	36.378.738.356	39.228.020.489
Chi phí dịch vụ mua ngoài	93.258.431.201	93.638.486.985
Chi phí khác bằng tiền	7.705.423.685	13.415.598.728
Tổng	772.558.854.668	654.822.472.390

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Thông tin về các bên liên quan

Thông tin các bên liên quan

Các bên liên quan	Thông tin các bên liên quan
Công ty Cổ phần FECON (FCN)	- Công ty liên kết sở hữu 36% cổ phần tại FCM, từ 26/9/2018 đến nay còn 10,95 % cổ phần. - Ông Hà Thế Phương là Chủ tịch HĐQT FCM đồng Phó Chủ tịch HĐQT FCN.
Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON Hải Đăng	- Công ty con, FCM sở hữu 55% cổ phần, đến 30/6/2018 bán toàn bộ cổ phần nắm giữ. - Cùng Chủ tịch HĐQT (Ông Hà Thế Phương)
Công ty Cổ phần Đầu tư Phan Vũ	Công ty mẹ sở hữu 51% cổ phần tại FCM từ ngày 26/9/2018
Công ty Cổ phần FECON SOUTH	- Cùng hệ thống FECON; FCN chiếm 70% quyền biểu quyết. - Cùng Chủ tịch HĐQT (Ông Hà Thế Phương)
Công ty Cổ phần Hạ tầng FECON (FCI)	- Cùng hệ thống FECON; FCN chiếm 72,93% quyền biểu quyết. - Bà Nguyễn Thị Thanh Vân kế toán trưởng FCI, trưởng Ban Kiểm soát FCN

Các giao dịch với nhân sự chủ chốt

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	Lương, thù lao HĐQT	1.692.745.660	1.328.000.000

Giao dịch các bên liên quan

Mua hàng	Tính chất giao dịch	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Công ty Cổ phần FECON	Bán cọc	140.115.443.047	105.633.662.524
	Thi công	2.931.546.935	-
	Dịch vụ khác	100.880.266	
Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON Hải Đăng	Mua vật tư	456.710.642	

Bán hàng	Tính chất giao dịch	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Công ty Cổ phần FECON	Bán cọc	494.220.626.024	508.526.862.482
Công ty Cổ phần FECON	Bán cổ phần	32.013.890.858	
Công ty Cổ phần FECON SOUTH	Bán cọc	7.798.309.000	11.546.602.472
Công ty Cổ phần đầu tư Phan Vũ	Bán cọc	7.824.618.000	
Công ty CP Khoáng sản FECON Hải Đăng	Thuê xe	877.703.636	

010
IG 1
HI
FOA
TNA
01-

6.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Số dư các bên liên quan

Các khoản phải thu	Tính chất giao dịch	31/12/2018	01/01/2018
		VND	VND
Công ty Cổ phần FECON	Bán cọc	186.838.066.937	153.298.832.181
Công ty Cổ phần FECON SOUTH	Bán cọc	9.560.439.856	9.765.642.719
Công ty Cổ phần Hạ tầng FECON (FCI)	Bán cọc	1.650.565.379	1.650.565.379
<i>Trả trước cho người bán</i>			
Công ty Cổ phần FECON	Thi công cọc	-	532.867.955
Công ty CP Khoáng sản FECON Hải Đăng	Tiền mua vật tư	14.200.603.813	-
Công ty Cổ phần FECON	Mua NVL	-	27.678.358.465
<i>Phải thu khác</i>			
Công ty CP Khoáng sản FECON Hải Đăng	Góp vốn	1.684.500.000	-
Các khoản phải trả	Tính chất giao dịch	31/12/2018	01/01/2018
		VND	VND
Công ty Cổ phần FECON	Thi công, DV khác	1.510.330.816	510.849.218

6.2 Báo cáo bộ phận

Căn cứ vào các hướng dẫn tại chuẩn mực kế toán số 28 - Báo cáo bộ phận, trong kỳ hoạt động chính của công ty là sản xuất bê tông thành phẩm các loại. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Hoạt động kinh doanh cung cấp các sản phẩm bê tông cốt thép trong lãnh thổ Việt Nam chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của cả Công ty. Do vậy, ban giám đốc Công ty cho rằng Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất và cung cấp bê tông cốt thép và một bộ phận chia theo vùng địa lý trọng yếu là lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Công ty không cần lập Báo cáo bộ phận.

6.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán.

Hà Nam, ngày 24 tháng 01 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Ngô Thị Thanh

Nguyễn Thị Thanh Vân

Phạm Trung Thành



CÔNG TY CỔ PHẦN
KHOÁNG SẢN FECON

Số: /2019/NQ-ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nam, ngày 15 tháng 02 năm 2019

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

- Căn cứ luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần khoáng sản FECON;
- Căn cứ các Tờ trình của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần khoáng sản FECON ngày 15/02/2019;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua các báo cáo sau:

1. Thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019:

Các chỉ tiêu kinh doanh năm 2018 sau khi hợp nhất của Công ty như sau:

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Kết quả	Tỷ lệ đạt được
1	Doanh thu hợp nhất	760	884	116 %
2	Lợi nhuận sau thuế	27	36,7	136 %

Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh hợp nhất năm 2019:

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019
1	Vốn điều lệ	Tỷ	410	410
2	Doanh thu	Tỷ	884	750
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ	36,7	35
4	Cổ tức (% vốn điều lệ)	%	5	5

Thông qua kế hoạch đầu tư năm 2019:

- Đầu tư nghiên cứu và sản xuất các loại sản phẩm bê tông đúc sẵn phục vụ cho các dự án chống biến đổi khí hậu, kè sông, biển: 10 tỷ đồng.
- Đề xuất đầu tư thêm thiết bị phục vụ sản xuất: 15 tỷ đồng.

2. Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2018

3. Thông qua báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018

Điều 2: Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018

Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán của FCM và Hợp nhất: chi tiết đăng tại website <http://www.feconmining.com.vn/>; và trang website chính thức của Ủy ban chứng khoán nhà nước, sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định.

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản năm 2018 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Công ty mẹ	Hợp nhất
1	Tổng tài sản	Đồng	800.232.664.565	934.969.325.081
2	Vốn chủ sở hữu	Đồng	494.062.332.366	548.018.910.012
3	Doanh thu thuần	Đồng	812.648.152.711	884.186.692.388
4	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	49.839.266.143	36.712.430.509
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng/cổ phiếu		879

Điều 3: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận 2018:

1. Phân phối lợi nhuận năm 2018

Chỉ tiêu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
Lũy kế lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm trước	35.363.533.384	-
Lợi nhuận sau thuế năm 2018	36.712.430.509	-
Phân phối các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2018	9.178.107.626	25%
<i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	<i>3.671.243.050</i>	<i>10%</i>
<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>5.506.864.576</i>	<i>15%</i>
Thù lao HĐQT, BKS, thư ký HĐQT năm 2018	979.000.000	
Thưởng Ban điều hành năm 2018	734.248.610	2%
Chia cổ tức năm 2018 bằng tiền mặt	20.500.000.000	5% (VĐL)

2. Thưởng ban điều hành năm 2018: 2% lợi nhuận sau thuế tương ứng với: 734.248.610 đồng (Bảy trăm ba mươi tư triệu, hai trăm bốn mươi tám nghìn, sáu trăm mười đồng) và ủy quyền Giám đốc công ty căn cứ tình hình thực tế của Công ty trình HĐQT để thực hiện.

3. Chia cổ tức năm 2018: bằng tiền tương ứng 5% vốn điều lệ và ủy quyền cho Giám đốc công ty trình HĐQT chọn thời điểm phù hợp tình hình thực tiễn để thực hiện chi trả.

Điều 4: Thông qua Kế hoạch hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2019:**1. Kế hoạch hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2019:**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019
1	Vốn điều lệ	Tỷ	410	410
2	Doanh thu	Tỷ	884	750
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ	36,7	35
4	Cổ tức bằng tiền (%VĐL)	%	5	5

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019

Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	10% Lợi nhuận sau thuế
Trích quỹ đầu tư phát triển	15% Lợi nhuận sau thuế
Thưởng ban điều hành	2% Lợi nhuận sau thuế
Cổ tức bằng tiền	5% Vốn điều lệ

Điều 5: Thông qua quyết toán thù lao HĐQT, BKS và thư ký HĐQT năm 2018 và Kế hoạch phân phối thù lao HĐQT, BKS, thư ký HĐQT năm 2019:**1. Quyết toán thù lao hội đồng quản trị và ban kiểm soát và thư ký HĐQT năm 2018**

Mức phân phối thù lao năm 2018 của HĐQT và BKS là: 797.000.000 VNĐ (Bảy trăm chín mươi bảy triệu đồng chẵn).

2. Kế hoạch phân phối thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký HĐQT 2019:

STT	Chức vụ/ vị trí	Số lượng (Người)	Mức thù lao 1 tháng (VNĐ)	Thù lao năm 2018 (VNĐ)
1	Chủ tịch HĐQT	1	25.000.000	300.000.000
2	Phó chủ tịch HĐQT	1	10.000.000	120.000.000
3	Thành viên HĐQT	3	8.000.000	288.000.000
4	Trưởng ban kiểm soát	1	8.000.000	96.000.000
5	Thành viên ban kiểm soát	2	5.000.000	120.000.000
6	Thư ký HĐQT	1	5.000.000	60.000.000
Tổng cộng				984.000.000

- Ủy quyền Hội đồng quản trị chọn thời điểm phân bổ thù lao hội đồng quản trị và quyết định hoạch toán các khoản tiền trên phù hợp với quy định của pháp luật và có lợi nhất cho công ty.

Điều 6: Thông qua danh sách đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2019:

- i. Công ty TNHH kiểm toán CPA Việt Nam (CPA Việt Nam);
- ii. Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC (AASC)
- iii. Công ty TNHH kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA);
- iv. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Công ty chọn 01 (một) công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán/ soát xét báo cáo tài chính của công ty trong danh sách 04 (bốn) công ty kiểm toán trên.

Trong trường hợp không thống nhất được với những công ty kiểm toán trên về tiến độ và mức phí kiểm toán, đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho hội đồng quản trị lựa chọn trong số các công ty kiểm toán còn lại trong danh sách công ty kiểm toán độc lập được chấp thuận của ủy ban chứng khoán nhà nước để tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 và soát xét báo cáo tài chính quý, báo cáo tài chính bán niên năm 2019 (nếu cần thiết theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước).

Điều 7: Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều lệ phù hợp với các nội dung đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

Điều 8: Thông qua kết quả bầu cử Thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2019-2024 (05 năm)

1. Thành viên HĐQT: Số lượng: 05 thành viên, cụ thể:
 - + Họ tên:.....; ngày sinh.....
 - + Họ tên:.....; ngày sinh.....
 - + Họ tên:.....; ngày sinh.....
 - + Họ tên:.....; ngày sinh.....
 - + Họ tên:.....; ngày sinh.....
2. Thành viên BKS: Số lượng: 03 thành viên, cụ thể:
3. + Họ tên:.....; ngày sinh.....
 - + Họ tên:.....; ngày sinh.....
 - + Họ tên:.....; ngày sinh.....

Điều 9: Điều khoản thi hành

Đại hội đồng cổ đông giao hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng kế hoạch chi tiết để triển khai thành công Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.

Nơi nhận:

- UBCKNN, HSX (báo cáo)
- TT.HĐQT; BĐH (T/hiện); BKS (g/sát)
- Các cổ đông;
- Lưu VP.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Hà Thế Phương